



Mục lục

SỰ KIỆN

3 NGUYỄN XUÂN THẮNG:

Bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, giữ nước từ khi nước chưa nguy; nhìn lại 10 năm qua và dự báo bối cảnh tình hình đến năm 2030, tầm nhìn 2045

11 TÔ LÂM:

Sức mạnh bảo vệ Tổ quốc không chỉ là sức mạnh của lực lượng vũ trang mà là sức mạnh tổng hợp của quốc gia và chế độ

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

20 PHẠM VĂN LINH:

Xây dựng và hoàn thiện nền quản trị quốc gia hoạt động hiệu lực, hiệu quả ở Việt Nam

33 HỒ SĨ QUÝ:

Về xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hóa, hệ giá trị gia đình và hệ giá trị con người Việt Nam trong thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược từ 1975 đến nay

48 ĐỖ THỊ THẠCH:

Những thành tựu trong nhận thức và vận dụng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội thời kỳ đổi mới

60 PHẠM VĂN XÂY:

Phát huy sức mạnh văn hóa Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

THÔNG TIN - TƯ LIỆU

70 PV:

Phiên họp thứ nhất Ban Chỉ đạo tổng kết một số vấn đề lý luận và thực tiễn 40 năm đổi mới



SỰ KIỆN

BẢO VỆ TỔ QUỐC TỪ SỚM, TỪ XA, GIỮ NƯỚC TỪ KHI NƯỚC CHƯA NGUY; NHÌN LẠI 10 NĂM QUA VÀ DỰ BÁO BỐI CẢNH TÌNH HÌNH ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN 2045

**PHÁT BIỂU CỦA ĐỒNG CHÍ NGUYỄN XUÂN THẮNG,
ỦY VIÊN BỘ CHÍNH TRỊ, CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN
TRUNG ƯƠNG, GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ
QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH, TẠI HỘI THẢO KHOA HỌC**

*Kính thưa Đồng chí Đại tướng GS,
TS Tô Lâm, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí
thư Đảng ủy Công an Trung ương, Bộ
trưởng Bộ Công an*

*Thưa các đồng chí lãnh đạo,
nguyên lãnh đạo Bộ Công an, và các
ban, bộ, ngành*

*Thưa các nhà khoa học cùng toàn
thể các đồng chí*

Trong lịch sử dựng nước và giữ
nước, ông cha ta đã đúc kết những

kinh nghiệm quý báu, đề ra những kế
sách “sâu rễ, bền gốc” giữ yên giang
sơn, bờ cõi quốc gia, bảo vệ vững
chắc nền độc lập dân tộc. Đó là bài
học về “lấy dân là gốc”, tinh thần
“đem đại nghĩa thắng hung tàn, lấy
chí nhân thay cường bạo”, bảo đảm
“quốc phú, binh cường, nội yên, ngoại
tĩnh”, kế sách về “khoan thư sức dân”,
“tu trí lực” trong thời bình để “non
sông nghìn thừa vững âu vàng”... đã



GS, TS Nguyễn Xuân Thắng phát biểu khai mạc hội thảo _ Ảnh: TTXVN

tạo nên tư tưởng, triết lý kết tinh những giá trị văn hóa, nghệ thuật dựng nước và giữ nước hết sức đặc sắc của dân tộc Việt Nam.

Kế thừa những tinh hoa triết lý của các bậc tiền nhân, kiên định và vững vàng trên nền tảng chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tổng kết những bài học kinh nghiệm được rút ra trong quá trình đấu tranh giành độc lập dân tộc, giải phóng, thống nhất đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Đảng ta đã bổ sung, phát triển sáng tạo, từng bước hình thành quan

điểm về: “bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, giữ nước từ khi nước chưa nguy”, thể hiện tư duy lý luận mang tầm nhìn chiến lược toàn diện và sâu sắc về quốc phòng, an ninh, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

Hôm nay, Bộ Công an cùng với Hội đồng Lý luận Trung ương tổ chức Hội thảo khoa học cấp quốc gia: “Bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, giữ nước từ khi nước chưa nguy; nhìn lại 10 năm qua và dự báo bối cảnh tình hình đến năm 2030, tầm nhìn 2045” nhằm làm rõ, phân tích sâu sắc hơn những vấn

đề lý luận và tổng kết thực tiễn vận dụng quan điểm hết sức quan trọng này trong giai đoạn vừa qua; kiến nghị, đề xuất những nhận thức mới phục vụ công tác tổng kết, đánh giá 10 năm thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; góp phần đẩy mạnh triển khai thực hiện thắng lợi toàn diện Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII theo tinh thần của Hội nghị Trung ương giữa nhiệm kỳ.

Thay mặt Ban Tổ chức, tôi xin gửi tới các đồng chí lãnh đạo Bộ Công an, Ban, Bộ, ngành, các đồng chí tướng lĩnh, sỹ quan, các nhà khoa học, các quý vị đại biểu, khách quý lời chào và lời chúc mừng tốt đẹp nhất. Chúc các đồng chí mạnh khỏe, hạnh phúc và nhiều thành công!

Thưa các đồng chí,

Nhìn lại 10 năm qua, công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của chúng ta diễn ra trong bối cảnh tình hình thế giới thay đổi nhanh chưa từng thấy, có nhiều bất ổn, bất định và đột biến, rủi ro khó lường. Trong hơn 3 năm qua, chúng ta đã chứng kiến đại dịch COVID-19, thảm họa một trăm năm

mới xảy ra một lần, cướp đi sinh mạng của hơn 6,9 triệu người, khiến cho hơn 765 triệu người trên toàn thế giới nhiễm bệnh. Riêng ở Việt Nam, hơn 43 nghìn người đã tử vong, gây ra những đau thương, mất mát không gì có thể bù đắp cho nhiều gia đình và toàn xã hội.

Mới chỉ cách đây hơn một năm, chúng ta dù có lạc quan đến mấy cũng khó có thể hình dung về một cuộc xung đột giữa Nga và Ukraina lại có thể nổ ra ngay giữa lòng châu Âu và chưa thể đoán định bao giờ chấm dứt. Ở nhiều nơi trên thế giới, nội chiến bùng nổ nghiêm trọng, bất ổn chính trị-xã hội kéo dài và những điểm nóng diễn ra phức tạp, luôn có nguy cơ leo thang trở thành xung đột vũ trang đang gây ra những quan ngại sâu sắc trong cộng đồng quốc tế. Mặc dù hoà bình, hợp tác và phát triển là xu hướng chính, luôn là khát vọng, mong muốn của nhân loại tiến bộ, nhưng điều đó lại đang đứng trước những thách thức bởi tác động của tư duy cạnh tranh chiến lược, chính trị cường quyền, chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, những đòi hỏi phi lý, sự áp đặt nước lớn, những hành động đề cao sức

mạnh đơn phương, trái ngược luật pháp và chuẩn mực quốc tế cùng với những mâu thuẫn sắc tộc, tôn giáo, tranh chấp lãnh thổ và các cuộc đua tranh, giành giật tài nguyên.

Các quốc gia ngày nay đang đứng trước nhiều cơ hội mới song cũng phải đối mặt với không ít rủi ro, xáo trộn và đảo chiều trong quá trình phát triển. Sau thời kỳ bị tác động nghiêm trọng bởi Đại dịch COVID-19, nền kinh tế thế giới vẫn nằm trong vòng xoáy tăng trưởng thấp, đối mặt với nguy cơ suy thoái cao, nhất là khi các đầu tàu kinh tế lớn gặp nhiều khó khăn, thách thức. Mặc dù xu thế hội nhập và tự do hóa lan rộng, cạnh tranh kinh tế, chiến tranh thương mại, nguy cơ khủng hoảng tài chính đang trở nên gay gắt, cận kề hơn. Biến đổi khí hậu tiếp tục gây ra những hậu quả ngày càng nghiêm trọng cùng với tác động của các vấn đề an ninh phi truyền thống có thể làm đảo chiều các thành quả kinh tế-xã hội của nhiều nước. Tốc độ tiến bộ nhanh chóng của khoa học công nghệ mang đến cho nhân loại cơ hội thay đổi chưa từng có tiền lệ, nhưng cũng đặt ra những thách thức rất mới đối với an ninh quốc gia,

an ninh con người, an ninh mạng, an ninh văn hóa cùng các vấn đề về đạo đức, ý thức trách nhiệm và năng lực cá nhân, đòi hỏi các chính phủ phải liên tục điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện luật pháp, chính sách và quản trị phát triển.

Dưới tác động phức tạp của tình hình thế giới, khu vực và hậu quả nặng nề của đại dịch COVID-19, biến đổi khí hậu, thiên tai, bão lũ bất thường, sự chống phá quyết liệt, thường xuyên của các thế lực xấu, thù địch, phản động, Đảng ta, Đất nước ta vẫn vững vàng vượt qua mọi khó khăn, thách thức, đẩy mạnh tiến trình Đổi mới, đạt được những kết quả quan trọng, toàn diện trong công cuộc xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Quán triệt sâu sắc nguyên tắc: *Đảng lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc*, phù hợp với thực tiễn thay đổi nhanh chóng, chúng ta đã bổ sung, phát triển nhận thức, hoàn thiện tư duy lý luận, xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chủ trương, đường lối chiến lược về bảo vệ an ninh quốc gia, bảo vệ Tổ quốc, củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh;

mở rộng, nâng tầm, triển khai đồng bộ, toàn diện, linh hoạt hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế; bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; bảo vệ lợi ích quốc gia, dân tộc; giữ vững ổn định chính trị và môi trường hòa bình để xây dựng, phát triển đất nước.

Với vai trò là lực lượng vũ trang trọng yếu, đặc biệt tin cậy của Đảng, Nhà nước và Nhân dân, là “*thanh bảo kiếm sắc bén*” và “*kiên chắn vững chắc*” của chế độ, lực lượng Công an nhân dân đã có những đóng góp rất to lớn cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc; *thể hiện nổi bật việc quán triệt sâu sắc, cụ thể hóa và tổ chức triển khai quan điểm chiến lược: “bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, giữ nước từ khi nước chưa nguy” của Đảng ta trong tình hình mới.* Lực lượng Công an nhân dân đã khẳng định vị thế, vai trò nòng cốt trong nhiệm vụ bảo vệ, giữ vững an ninh chính trị, trật tự, kỷ cương, an toàn xã hội; kịp thời phát hiện, ngăn chặn, đập tan các hoạt động khủng bố, các vụ kích động chống đối, biểu tình, bạo loạn, gây rối an ninh, trật tự; bảo

vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh quyết liệt, có hiệu quả với những hoạt động chống phá, luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch, phản động; tích cực mở rộng quan hệ đối ngoại, nhất là đối ngoại an ninh của đất nước; kiên quyết đấu tranh phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật, bảo vệ cuộc sống bình yên của nhân dân. Đặc biệt, lực lượng Công an nhân dân đã tổ chức đồng bộ, phối hợp chặt chẽ có hiệu quả với các cơ quan liên quan tích cực đấu tranh, phát hiện, xử lý nghiêm các vụ việc tham nhũng, tiêu cực, các biểu hiện suy thoái, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ “*không có vùng cấm, không có ngoại lệ*”, tạo sức cảnh tỉnh, cảnh báo, răn đe rất lớn, góp phần bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân, giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương xã hội.

Thưa các đồng chí,

Hội thảo khoa học hôm nay có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với lực lượng Công an nhân dân trong việc tiếp tục cụ thể hoá, thực tiễn hóa và triển khai quan điểm chiến lược: “*Bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, giữ*

nước từ khi nước chưa nguy” trong tình hình mới trên một số vấn đề cơ bản sau đây:

(1)- *Chủ động nắm bắt, nghiên cứu, phân tích, dự báo chính xác tình hình thế giới, khu vực, trong nước, ứng phó kịp thời, hiệu quả, không để bị động, bất ngờ.* Cần sớm phát hiện, xử lý kịp thời có hiệu quả các tình huống, làm thất bại mọi âm mưu chống phá của các thế lực thù địch, phản động, cơ hội chính trị; triệt tiêu các nhân tố bất lợi, mất ổn định; loại trừ các nguy cơ đe dọa, uy hiếp *từ sớm*, ngay từ trong nguyên nhân, điều kiện hình thành, *từ xa* về không gian địa lý cả bên trong lẫn bên ngoài, theo phương châm: không dùng đến vũ lực và chiến tranh là thượng sách, lấy việc phòng ngừa *từ xa*, chuẩn bị *từ sớm* là chủ yếu, giữ vững thế chủ động chiến lược là quyết định để bảo đảm giành thắng lợi.

Điều đó đòi hỏi lực lượng Công an nhân dân nêu cao cảnh giác, chủ động nắm chắc tình hình từ cơ sở, từ khi các vấn đề an ninh trật tự phức tạp mới khởi nguồn để kịp thời tháo gỡ *từ sớm*, *từ xa*, “*không để cái nảy nảy cái ung, không để ung thành họa*”; chủ động tiến hành nghiên cứu lý luận,

tổng kết thực tiễn để tham mưu với Đảng, Nhà nước các chủ trương, chính sách, pháp luật, giải pháp, cơ chế phù hợp để bảo vệ lợi ích quốc gia dân tộc, chủ quyền và an ninh của đất nước, đề ra các kế sách bảo vệ, tự bảo vệ từ bên trong, chuẩn bị các điều kiện để bảo vệ Tổ quốc ngay trong thời bình; đồng thời, làm rõ và bổ sung những vấn đề lý luận – thực tiễn mới, giúp đưa chủ trương của Đảng đi vào cuộc sống.

(2)- *Tăng cường tiềm lực, xây dựng lực lượng, thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân vững mạnh.* Quán triệt sâu sắc, thực hiện thật tốt định hướng mục tiêu của Văn kiện Đại hội XIII về: xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, một số quân chủng, binh chủng, lực lượng tiến thẳng lên hiện đại. Không ngừng củng cố mối quan hệ mật thiết giữa Công an nhân dân với Quân đội nhân dân, bảo đảm phối hợp nhịp nhàng, hiệu quả trong thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, phục vụ phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Kết hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa xây dựng nền an ninh

nhân dân, thể trận an ninh nhân dân với xây dựng nền quốc phòng toàn dân và thể trận quốc phòng toàn dân vững chắc.

Là lực lượng gắn bó máu thịt với nhân dân, Công an nhân dân có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc xây dựng *thể trận lòng dân vững chắc từ cơ sở*. Cần phát huy hơn nữa vai trò nòng cốt của lực lượng công an cơ sở trong bảo đảm an ninh trật tự tại từng thôn, xóm, bản, làng, tổ dân phố, cơ quan, doanh nghiệp theo phương châm “*Bộ tinh, tỉnh mạnh, huyện toàn diện, xã bám cơ sở*”; xây dựng hình ảnh người cán bộ, chiến sỹ, đảng viên Công an nhân dân mang phẩm chất: “*vì nước quên thân, vì dân phục vụ*”, “*trọng dân, gần dân, tin dân, hiểu dân, học dân, dựa vào dân và có trách nhiệm với dân*”, là công bộc, là người bạn của nhân dân, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 12-NQ/TW về đẩy mạnh xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

(3)- *Phát huy sức mạnh tổng hợp quốc gia, gắn kết chặt chẽ hai nhiệm*

vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Cần nhận thức sâu sắc nhiệm vụ xây dựng, phát triển đất nước là một “*phương thức hữu hiệu*” để bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa; giữ nước từ khi nước chưa nguy. Trước hết, phải bảo đảm phát triển nhanh và bền vững, khắc phục được nguy cơ tụt hậu trong phát triển; kết hợp chặt chẽ giữa giữa quốc phòng, an ninh và đối ngoại, giữa nguồn lực trong nước với nguồn lực bên ngoài, giữa phát triển kinh tế - xã hội, văn hoá, con người với củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh, tăng cường và thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ lưỡng dụng theo phương châm: phát triển để giữ vững quốc phòng, an ninh, bảo đảm quốc phòng, an ninh để phát triển và bảo đảm quốc phòng, an ninh trong phát triển.

Muốn hoàn thành được trọng trách của mình, lực lượng Công an nhân dân phải dựa vào dân, hết sức coi trọng bài học “*dân là gốc*”, nhân dân là trung tâm, là chủ thể, là cội nguồn sức mạnh trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc; huy động có hiệu quả mọi nguồn lực vật chất và tinh thần, nhất là sức sáng tạo to lớn của nhân dân và sức mạnh đại đoàn kết toàn

dân tộc, khơi dậy tinh thần yêu nước, ý chí tự cường, phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh “mềm” Việt Nam, để văn hóa “soi đường cho quốc dân đi”, là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, nguồn lực nội sinh và động lực to lớn để phát triển nhanh, bền vững đất nước.

(4)- *Phát huy vai trò tiên phong của đối ngoại, góp phần tạo lập môi trường hoà bình cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.* Thấm nhuần tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về “*dĩ bất biến, ứng vạn biến*” trong cách ứng xử của Việt Nam trước những thay đổi nhanh chóng của thế giới hiện nay. Kiên trì thực hiện đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển; đa dạng hóa, đa phương hóa; là bạn tốt, là đối tác tin cậy với các nước; là thành viên tích cực, có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế; cùng các nước xây dựng và củng cố lòng tin chiến lược vì hòa bình, hợp tác, phát triển trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng, tôn trọng luật pháp quốc tế và cùng có lợi.

Đặc biệt, cần *phát huy đồng bộ vai trò của các lĩnh vực đối ngoại quốc*

phòng và đối ngoại an ninh trên nguyên tắc: đề cao đối thoại, thái độ chân thành và hành động thiết thực; mềm dẻo, linh hoạt trong xử lý mối quan hệ giữa hợp tác và đấu tranh, xác định đối tác và đối tượng; phát huy truyền thống hoà hiếu, nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình của dân tộc, ủng hộ mạnh mẽ hoà bình và công lý; chọn chính nghĩa chứ không chọn bên; kiên trì thực hiện “*bốn không*”: không tham gia liên minh quân sự, không liên kết với nước này để chống lại nước kia, không cho nước ngoài đặt căn cứ quân sự hoặc sử dụng lãnh thổ Việt Nam để chống lại nước khác, không sử dụng vũ lực hoặc đe dọa sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế.

Thưa các đồng chí,

Với những mục tiêu và ý nghĩa quan trọng nói trên, với tinh thần khoa học, trách nhiệm và tâm huyết, thay mặt Ban Tổ chức, tôi xin tuyên bố khai mạc Hội thảo.

Xin kính chúc sức khỏe các đồng chí, các quý vị đại biểu.

Chúc Hội thảo của chúng ta thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn các đồng chí! □

SỨC MẠNH BẢO VỆ TỔ QUỐC KHÔNG CHỈ LÀ SỨC MẠNH CỦA LỰC LƯỢNG VŨ TRANG MÀ LÀ SỨC MẠNH TỔNG HỢP CỦA QUỐC GIA VÀ CHẾ ĐỘ

(Phát biểu của đồng chí Đại tướng, GS, TS Tô Lâm, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Công an tại Hội thảo khoa học quốc gia: “Bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, giữ nước từ khi nước chưa nguy; nhìn lại 10 năm qua và dự báo bối cảnh tình hình đến năm 2030, tầm nhìn 2045”. Đầu đề là của Tòa soạn).

Kính thưa đồng chí Nguyễn Xuân Thắng, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh;

Kính thưa các đồng chí lãnh đạo Bộ Công an; lãnh đạo đại diện các ban, bộ, ngành Trung ương;

Thưa các nhà khoa học, các quý vị đại biểu, khách quý cùng toàn thể các đồng chí!

Sau một buổi làm việc với tinh thần khoa học, Hội thảo “Bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, giữ nước từ khi nước chưa nguy; nhìn lại 10 năm qua và dự

báo bối cảnh tình hình đến năm 2030, tầm nhìn 2045” đã hoàn thành theo chương trình đề ra. Hội thảo chúng ta đã nghe nhiều ý kiến tham luận của các đại biểu trên tổng số 79 báo cáo khoa học đăng tại kỷ yếu. Nội dung tham luận góp phần làm sâu sắc hơn những vấn đề lý luận và thực tiễn về phương châm bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, giữ nước từ khi nước chưa nguy; đánh giá khách quan, toàn diện về kết quả 10 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; đồng thời, đưa ra các dự báo về

bối cảnh tình hình trong thời gian tới, góp phần tham mưu với Đảng trong việc tiếp tục hoàn thiện chủ trương, đường lối bảo vệ Tổ quốc.

Thưa các đồng chí!

Trong suốt tiến trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam, quán triệt sâu sắc chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta luôn kiên định tư tưởng, phương châm độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Dưới ngọn cờ vẻ vang của Đảng, đất nước, nhân dân và dân tộc Việt Nam từ lầm than, khổ cực bởi ách đô hộ của thực dân phong kiến phản động, đã giành được độc lập, giành chính quyền về tay nhân dân; đánh thắng thực dân, đế quốc để bảo vệ nền độc lập, thống nhất đất nước trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, ghi tiếp những trang sử vàng chói lọi nhất trong lịch sử dựng nước, giữ nước của dân tộc. Đối mặt với những khó khăn, thách thức sau khi đất nước thống nhất, cùng với những biến động sâu sắc của tình hình thế giới, nhất là sự sụp đổ của mô hình xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu, kiên định sợi chỉ đỏ xuyên suốt độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã

hội, Đảng ta đã lãnh đạo đất nước, nhân dân vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; vượt qua khủng hoảng kinh tế - xã hội, tạo tiền đề vững chắc để tiến hành công cuộc đổi mới, mở cửa, hội nhập quốc tế.

Thưa các đồng chí!

Dựng nước đi đôi với giữ nước là vấn đề có tính khách quan, quy luật, là bài học xuyên suốt trong sự phát triển trường tồn của đất nước và dân tộc Việt Nam. Trong thời đại Hồ Chí Minh, bài học đó đã được vận dụng, phát huy sáng tạo sâu sắc, đầy đủ, toàn diện hơn bởi ánh sáng soi đường của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, để đất nước ta có được cơ đồ tươi sáng như ngày hôm nay, để cuộc sống của nhân dân ngày càng an no, hạnh phúc.

Bảo vệ Tổ quốc là nhiệm vụ của toàn hệ thống chính trị, của mỗi cán bộ, đảng viên, chiến sỹ lực lượng vũ trang, mỗi người dân Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý ấy không bao

giờ thay đổi”; “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”; Người cũng căn dặn: “các Vua Hùng đã có công dựng nước. Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”.

Trong thời kỳ đổi mới, kế thừa bài học kinh nghiệm quý báu từ lịch sử dân tộc, vận dụng trung thành, sáng tạo tư tưởng lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng ta luôn đặc biệt quan tâm tới nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, không để đất nước bị động, bất ngờ trong mọi tình huống, không để lợi ích quốc gia, dân tộc bị xâm hại. Trong nghị quyết các kỳ đại hội Đảng toàn quốc kể từ khi đổi mới, vấn đề bảo vệ Tổ quốc luôn được nhấn mạnh và quán triệt thực hiện nghiêm túc cùng với xây dựng Tổ quốc. Hơn thế, trong nhiệm kỳ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng, Đảng ta đã ban hành Nghị quyết Trung ương 8 khóa IX về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới (năm 2003). Việc tổ chức quán triệt thực hiện có hiệu quả Nghị quyết này của Đảng đã góp phần vào thắng lợi của công cuộc đổi mới, mở cửa, hội nhập quốc tế của đất nước. Tổng kết việc thực hiện Nghị quyết

Trung ương 8 khóa IX, trong nhiệm kỳ Đại hội XI, Đảng ta đã ban hành Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới (năm 2013) và các nghị quyết, kết luận của Bộ Chính trị về quốc phòng, an ninh. Việc triển khai Nghị quyết Trung ương 8 khóa XI cùng các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo khác của Đảng đến nay có thể khẳng định đã đạt được những kết quả hết sức quan trọng, quyết định, bảo vệ vững chắc Tổ quốc trong bối cảnh phức tạp, góp phần tạo thế và lực cho đất nước đổi mới, mở cửa, hội nhập và phát triển.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, trên cơ sở tổng kết thực tiễn, phát triển tư duy lý luận, Đảng ta tiếp tục hoàn thiện đường lối về bảo vệ Tổ quốc “từ sớm, từ xa”, từ khi “nước chưa nguy”, trở thành tư tưởng chỉ đạo, phương châm hành động của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đẩy mạnh công cuộc đổi mới đưa đất nước vào giai đoạn phát triển mới, đó là: “Chủ động ngăn ngừa nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa”, “có kế sách ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh,

xung đột từ sớm, từ xa; chủ động phòng ngừa, phát hiện sớm và triệt tiêu các nhân tố bất lợi, nhất là các nhân tố bên trong có thể gây ra đột biến”. Phải khẳng định, thực tiễn công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, Đảng, Nhà nước ta đã luôn quán triệt thực hiện phương châm trên. Tuy nhiên, đây là lần đầu tiên tư duy, lý luận về bảo vệ Tổ quốc “từ sớm, từ xa” được Đảng ta hoàn thiện, phát triển mới, chính thức đưa vào văn kiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc.

Bảo vệ Tổ quốc từ “sớm” là sớm về tư duy, nhận thức, về quan điểm chỉ đạo, phương châm hành động; sớm trong nhận diện nguy cơ và có phương án xử lý. Quá trình xây dựng, củng cố, phát triển cũng là quá trình triển khai các biện pháp phòng ngừa, bảo vệ, tự bảo vệ từ trước. Bảo vệ Tổ quốc từ “sớm” là sớm cả từ bên ngoài, bảo vệ, tự bảo vệ bên trong; ngăn ngừa, triệt tiêu các nhân tố xâm lược, phá hoại, mất ổn định bên trong lẫn bên ngoài.

Bảo vệ Tổ quốc từ “xa” bao hàm về không gian và cả thời gian. Trong đó, chủ động, cảnh giác, phát hiện,

triệt tiêu các nhân tố bất lợi từ xa về không gian địa lý, ngay trong lòng địch; xa về thời gian, phát hiện, triệt tiêu ngay từ nguyên nhân, điều kiện hình thành nguy cơ đe dọa, uy hiếp. Chủ động phân tích, dự báo, đấu tranh, làm thất bại từ bên ngoài, từ bên trong mọi âm mưu, hành động xâm phạm độc lập, chủ quyền, lợi ích quốc gia - dân tộc, bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, Đảng, Nhà nước và nhân dân.

Bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa có mối quan hệ chặt chẽ, không tách rời, chuyển hóa lẫn nhau. Bảo vệ Tổ quốc từ sớm là điều kiện, tiền đề để bảo vệ Tổ quốc từ xa; bảo vệ Tổ quốc từ xa là để bảo vệ Tổ quốc từ sớm, bảo đảm bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Thưa các đồng chí!

Qua Hội thảo hôm nay, chúng ta tiếp tục khẳng định, làm sâu sắc hơn vai trò lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, sức mạnh vô địch của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, của cả hệ thống chính trị, vai trò nòng cốt của Quân đội, Công an. Những kết quả, thành tựu đạt được qua 10 năm thực hiện Nghị quyết

Trung ương Tám khóa XI về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta, khẳng định tư tưởng chỉ đạo, phương châm hành động đúng đắn, mang tính thời đại trong bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, giữ nước từ khi nước chưa nguy của Đảng ta.

Đối với lực lượng Công an nhân dân, dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, toàn diện của Đảng, sự quản lý tập trung, thống nhất của Nhà nước, sự giúp đỡ của Nhân dân, Công an nhân dân đã phối hợp chặt chẽ với Quân đội nhân dân, các chủ thể trong hệ thống chính trị các cấp, đóng vai trò nòng cốt, chủ trì, đạt được nhiều kết quả đặc biệt quan trọng, tạo môi trường thuận lợi phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, công tác quốc phòng, đối ngoại góp phần quyết định thắng lợi của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Lực lượng Công an nhân dân luôn chủ động, vận dụng sáng tạo, hiệu quả phương châm bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, giữ nước từ khi nước chưa nguy vào triển khai, thực hiện các chức năng, yêu cầu, nhiệm vụ công tác công an, bảo đảm an ninh, trật tự ngay tại cơ sở, đánh

địch từ ngay sào huyệt, từ nơi xuất phát. Có thể nói, từ lịch sử đến hiện tại, minh chứng về vai trò của lực lượng Công an nhân dân trong bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, giữ nước từ khi nước chưa nguy, không chỉ được thể hiện qua những chiến công, thành tích của toàn lực lượng đã được Đảng, Nhà nước và Nhân dân ghi nhận, mà còn thể hiện rất cụ thể, sinh động qua việc thực hiện, hoàn thành xuất sắc các chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu công tác công an đặt ra. Tức là việc thực hiện những công việc cụ thể, hàng ngày, hàng giờ trong nắm tình hình, dự báo, tham mưu chiến lược; bảo đảm an ninh chính trị nội bộ, an ninh kinh tế, an ninh mạng, an ninh môi trường, đấu tranh phòng chống gián điệp, phản động, các loại tội phạm xâm phạm; bảo đảm trật tự an toàn xã hội, bảo đảm an toàn giao thông, phòng ngừa các nguy cơ gây cháy, nổ, cứu nạn, cứu hộ... góp phần phục vụ phát triển kinh tế, ổn định xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh, duy trì trật tự, trị an ngay tại cơ sở đều là những đóng góp vào thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ của sự nghiệp

bảo vệ Tổ quốc. Đây là nhận thức hết sức quan trọng, yêu cầu các cấp ủy, công an các đơn vị, địa phương; mỗi cán bộ, chiến sỹ Công an nhân dân phải tiếp tục thấm nhuần để lan tỏa sâu rộng, tạo sự đồng thuận, thống nhất cao trong toàn xã hội.

Thưa các đồng chí!

Trong những năm tới, dự báo tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp, xuất hiện các yếu tố thuận lợi mới đan xen các thách thức khó lường đối với an ninh, lợi ích quốc gia Việt Nam trên cả hai hướng bên trong và bên ngoài. Ở bên ngoài, môi trường chính trị, an ninh, kinh tế thế giới, khu vực tiếp tục chuyển động ngày càng phức tạp, biến đổi sâu sắc do cạnh tranh chiến lược nước lớn diễn ra quyết liệt, gay gắt. Xu hướng phân tách, phân tuyến trong tập hợp lực lượng các nước lớn. Các thách thức, mối đe dọa an ninh truyền thống, phi truyền thống diễn biến phức tạp ở nhiều châu lục. Đáng chú ý là tranh chấp chủ quyền lãnh thổ, chủ quyền biển, đảo ở Biển Đông; sự gia tăng can dự của các nước lớn tại tiểu vùng Mekông làm cho không gian phát triển Việt Nam

bị thu hẹp; các nước lớn gia tăng can dự, hiện diện quân sự trên thực địa làm tăng nguy cơ chạy đua vũ trang trong khu vực, tiềm ẩn nguy cơ xung đột, khó kiểm soát. Ở bên trong, an ninh, trật tự tiềm ẩn nhiều yếu tố, vấn đề phức tạp, có thể nảy sinh từ tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hóa, tư tưởng, an ninh mạng, an ninh xã hội, dân tộc, tôn giáo..., tại các địa bàn, nhất là địa bàn chiến lược, trọng điểm. Khó khăn về kinh tế và các điều kiện, nguồn lực đảm bảo an sinh xã hội có thể làm xuất hiện các bức xúc, xung đột xã hội, trở thành yếu tố dễ các thế lực thù địch, phản động, chống đối lợi dụng kích động gây biểu tình, bạo loạn chống phá. Bốn nguy cơ mà Đảng ta chỉ ra sẽ tiếp tục thách thức, đe dọa trực tiếp đến sinh mệnh của Đảng và sự tồn vong của chế độ; trong đó, nguy cơ mất an ninh chính trị nội bộ, suy giảm thế trận lòng dân, làm suy yếu sức chiến đấu của Đảng, của chế độ ta từ gốc, từ bên trong là nguy hiểm nhất.

Tình hình và bối cảnh mới đặt ra những yêu cầu mới, đòi hỏi lực lượng Công an nhân dân phải nhận thức sâu sắc hơn sứ mệnh, vai trò, trách nhiệm

của mình trước Đảng, Nhân dân trong bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa từ sớm, từ xa, giữ nước từ khi nước chưa nguy; để kết quả Hội thảo phát huy hiệu quả và đi vào thực tiễn, Tôi đề nghị:

Thứ nhất, về nhận thức phải thấy rõ trong những năm tới sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng sẽ có nhiều thuận lợi nhưng tiếp tục gặp không ít khó khăn, thách thức. Trong đó, những thách thức lớn nhất vẫn là bảo vệ vững chắc chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc và ổn định chính trị xã hội, sự phát triển bền vững của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Những thách thức trên đòi hỏi cấp ủy, lãnh đạo chỉ huy Công an các đơn vị, địa phương và sĩ quan, chiến sĩ Công an nhân dân cần tiếp tục phát huy truyền thống anh hùng vẻ vang của Công an nhân dân, bám sát nhiệm vụ chính trị, chủ động trong nắm tình hình, tham mưu chiến lược; triển khai đồng bộ các đề án, phương án, kế hoạch bảo vệ vai trò, sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng;

bảo vệ Nhà nước và chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ Nhân dân, bảo vệ khối đại đoàn kết toàn dân tộc; bảo vệ sự phát triển bền vững của nền kinh tế đất nước, bảo vệ văn hoá và con người Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tiếp thu có chọn lọc tinh hoa văn hoá nhân loại; bảo vệ đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ của đất nước. Cùng với đó, phối hợp chặt chẽ với Quân đội nhân dân trong thực hiện thắng lợi, có hiệu quả các nhiệm vụ quốc phòng, quân sự, chống chiến tranh xâm lược, bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa.

Thứ hai, tiếp tục quán triệt sâu sắc hơn quan điểm “người trước súng sau”, tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 12-NQ/TW của Bộ Chính trị và Kế hoạch số 118/KH-BCA của Bộ Công an về đẩy mạnh xây dựng lực lượng Công an nhân dân thật sự trong sạch, vững mạnh, cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Đây cũng là một nhiệm vụ chính trị đặc biệt quan trọng đặt ra cho toàn lực lượng Công an nhân dân, cấp ủy, lãnh đạo chỉ huy Công an các cấp căn cứ vào thực tế tình hình của đơn vị, của địa phương

và lĩnh vực công tác chăm lo xây dựng để mỗi cán bộ, chiến sĩ, mỗi cấp ủy, đơn vị và toàn lực lượng Công an nhân dân thực sự trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, đạo đức, tổ chức và cán bộ, giỏi về chuyên môn, có lẽ lối tác phong làm việc thực sự mang tính vũ trang, chuyên nghiệp, hiện đại, làm chủ khoa học công nghệ, đáp ứng yêu cầu công tác trong các môi trường, tình huống. Tiếp tục quán triệt chỉ đạo của Đảng ủy Công an Trung ương, lãnh đạo Bộ về xây dựng Công an nhân dân theo hướng “bộ tinh, tinh mạnh, huyện toàn diện, xã bám cơ sở”, tăng cường, ưu tiên cán bộ, phương tiện, vật chất cho công an cấp cơ sở, các đơn vị chiến đấu. Tiếp tục có sự điều chỉnh, bố trí lực lượng hợp lý, tinh, gọn, mạnh hơn.

Thứ ba, lực lượng Công an nhân dân cần đặc biệt chú trọng gắn kết giữa công tác, chiến đấu với chăm lo xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc và tổ chức thực hiện có hiệu quả công tác dân vận Công an nhân dân, phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc. Đây là một yêu cầu hết sức cấp bách từ thực tiễn. Việc xây dựng,

củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc cần được nhìn nhận là một nhiệm vụ đặc biệt hệ trọng trong xây dựng, bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

Thứ tư, gắn kết mục tiêu bảo vệ Tổ quốc theo chức năng của Công an nhân dân và Quân đội nhân dân; kết hợp với mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội, đối ngoại, tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và tổ chức thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, coi trọng giữ vững bên trong là chính. Tập trung thực hiện có hiệu quả Đề án số 06 của Chính phủ trong chuyển đổi số quốc gia, xây dựng xã hội số, Chính phủ số, công dân số.

Thứ năm, Công an các đơn vị, địa phương, nhất là các cơ quan tham mưu, nghiên cứu chiến lược cần tiếp tục thực hiện tốt nhiệm vụ tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới theo chỉ đạo của Trung ương và Đảng ủy Công an Trung ương. Trong đó, tiếp tục bổ sung, xây dựng hoàn thiện nhận thức, lý luận về tư tưởng, phương châm bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa nói chung, vào thực hiện các chức năng của Công an nhân dân nói riêng.

Thứ sáu, tiếp tục đẩy mạnh công tác đối ngoại của lực lượng Công an nhân dân; nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động đối ngoại Công an, đi vào thực chất, chiều sâu ở các thể chế đa phương toàn cầu, khu vực và song phương; trong đó tập trung vào những vấn đề, lĩnh vực, ưu tiên các mối quan hệ, kênh hợp tác có ý nghĩa quan trọng, trực tiếp với công tác bảo vệ an ninh, trật tự để hình thành thế trận bảo vệ Tổ quốc từ xa, từ sớm.

Các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình Công an nhân dân tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức tuyên truyền để mọi mọi cán bộ, chiến sĩ, nhất là cán bộ trẻ, học viên các trường Công an nhân dân hiểu sâu sắc ý nghĩa lý luận, khoa học và vai trò trách nhiệm của lực lượng Công an nhân dân trong bảo vệ Tổ quốc, từ sớm, từ xa, từ khi nước chưa nguy. Từ đó, biến nhận thức thành hành động, hết lòng phụng sự đất nước, phục vụ nhân dân.

Thưa các đồng chí!

Sau Hội thảo này, tôi đề nghị Cục Khoa học, Chiến lược và Lịch sử Công an tiếp tục phối hợp với các đơn vị trong và ngoài Công an nhân

dân nghiên cứu, làm sâu sắc hơn nữa những vấn đề lý luận và thực tiễn về bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa, giữ nước từ khi nước chưa nguy; trong đó chú ý chỉ ra những kiến nghị, giải pháp góp phần tham mưu với Đảng trong việc định hướng chiến lược phục vụ bảo vệ và phát triển đất nước trong bối cảnh tình hình mới từ nay đến năm 2030, tầm nhìn 2045 gắn với phát huy vai trò của Công an nhân dân trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc và báo cáo kết quả với Đảng ủy Công an Trung ương.

Thay mặt Đảng ủy Công an Trung ương và lãnh đạo Bộ Công an, xin trân trọng cảm ơn sự phối hợp của các đồng chí trong Hội đồng Lý luận Trung ương; sự tham gia của các ban, bộ, ngành; các nhà khoa học; đồng thời, biểu dương Cục khoa học, Chiến lược và lịch sử Công an và các đơn vị liên quan đã phát huy tinh thần trách nhiệm cao, tham mưu tổ chức thành công Hội thảo hôm nay. Cảm ơn các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình Trung ương đã đến dự và đưa tin về Hội thảo. Xin chúc các đồng chí, quý vị đại biểu sức khỏe, hạnh phúc và thành công □



NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN NỀN QUẢN TRỊ QUỐC GIA HOẠT ĐỘNG HIỆU LỰC, HIỆU QUẢ Ở VIỆT NAM

● PGS, TS PHẠM VĂN LINH

Phó Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương

1. Nền quản trị quốc gia hiện đại tiêu chí quan trọng của Nhà nước pháp quyền

Xây dựng và hoàn thiện nền quản trị quốc gia hiện đại hoạt động hiệu lực, hiệu quả luôn là yêu cầu đặt ra trong xây dựng Nhà nước pháp quyền của các quốc gia trên thế giới nói chung và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa nói riêng. Quản trị hiện đại, tất yếu bộ máy phải hoạt động hiệu lực, hiệu quả và ngược lại, đây là một nhiệm vụ của quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền, hơn nữa quá trình này nhanh hay

chậm phụ thuộc cả nhân tố chủ quan và khách quan. Về chủ quan, đó là hiện trạng năng lực, tính chuyên nghiệp, đồng bộ của bộ máy công quyền, sự ổn định của quá trình hoàn thiện; số lượng và chất lượng hệ thống luật pháp hiện hành; ý thức “pháp quyền” của người dân; môi trường dân chủ, minh bạch trong xã hội; trình độ dân trí, hạ tầng khoa học và công nghệ hiện có... Về khách quan, đó là đặc điểm văn hóa, tính ổn định chính trị của mỗi quốc gia, dân tộc; tác động của các nhân tố bên ngoài... Đặc điểm truyền thống lịch sử, văn hóa và trình

độ phát triển kinh tế- xã hội có ảnh hưởng đến quá trình xây dựng và hoàn thiện nền quản trị quốc gia. Thực tiễn lịch sử đã chứng minh rằng, các nước đã trải qua quá trình công nghiệp hóa thì việc xây dựng và hoàn thiện nền quản trị quốc gia hiệu lực, hiệu quả sẽ nhanh hơn. Tuy nhiên, do tác động của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, quá trình toàn cầu hóa, những nước đi sau vẫn có thể rút ngắn khoảng cách, thậm chí đi tắt, đón đầu quá trình này.

Trình độ phát triển khoa học và công nghệ có ảnh hưởng lớn đến quá trình xây dựng và hoàn thiện nền quản trị quốc gia, nhưng suy cho cùng, nhân tố con người vẫn giữ vai trò quyết định. Đặc điểm, sự vận hành của bộ máy công quyền, nền quản trị quốc gia ở từng nước tuy có khác nhau, nhưng những dấu hiệu về tính hiện đại, hoạt động hiệu lực, hiệu quả vẫn có thể đo lường ở một số dấu hiệu cơ bản. Theo đó, WB đưa ra 6 chỉ số để đánh giá chất lượng quản trị quốc gia gồm: vai trò, tiếng nói của người dân và trách nhiệm giải trình; sự ổn định về chính trị và xã hội phi bạo lực; hiệu lực, hiệu quả hoạt động của

chính phủ; chất lượng của các văn bản, quy định của pháp luật; thượng tôn pháp luật và kiểm soát tham nhũng. Cũng theo quan điểm trên, để quản trị tốt có 3 yếu tố chi phối, đó là: *i). Cơ chế kiểm soát quyền lực hay các quy tắc hạn chế sự lạm quyền trong bộ máy công quyền.ii). Sự phản hồi ý kiến của người dân và xã hội về hiệu lực, hiệu quả hoạt động của nền quản trị quốc gia iii).* Có môi trường cạnh tranh bình đẳng.

Tính công khai, minh bạch là dấu hiệu căn bản không thể thiếu trong nền quản trị quốc gia hiện đại, điều này không chỉ đảm bảo cho bộ máy vận hành hiệu quả, cơ chế giám sát phát huy được tác dụng, đồng thời qua đó các nguồn lực xã hội được huy động và sử dụng hiệu quả vì: tiến trình hoạch định chính sách công khai có thể dự đoán được; đòi hỏi nền hành chính công phải chuyên nghiệp, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và minh bạch; tính minh bạch luôn đòi hỏi trách nhiệm giải trình của bộ máy công quyền; sự tham gia của người dân vào hoạt động công và luật pháp công bằng...Cũng theo cách tiếp cận này, một số tổ chức quốc tế coi quản trị

hiện đại có một số đặc điểm, như: sự tham gia của người dân vào quá trình xây dựng chính sách; luật pháp và hệ thống xét xử công bằng; tính minh bạch; trách nhiệm giải trình của cơ quan công quyền và hiệu quả của phòng, chống tham nhũng. Tuy vậy, cũng có một số cách tiếp cận khác, coi trọng một số đặc điểm về sự bình đẳng, tham gia của người dân để đưa ra các tiêu chí, như chương trình Tổ chức phát triển Liên Hợp quốc tại Việt Nam (UNDP) cho rằng nền quản trị quốc gia hiện đại là: *i)* Đảm bảo sự tham gia của người dân. *ii)* Sự công bằng của luật pháp. *iii)* Tính minh bạch. *iv)* Đáp ứng mọi bên liên quan *v)* Hướng tới sự đồng thuận. *vi)* Bình đẳng. *vii)* Hiệu lực và hiệu quả. *viii)* Trách nhiệm giải trình. *ix)* Tầm nhìn chiến lược. Ngược lại, ADB chỉ nhấn mạnh một số tiêu chí như: *i)* Có trách nhiệm giải trình. *ii)* Sự tham gia của các chủ thể trong quá trình hoạch định chính sách. *iii)* Có thể dự đoán được *iv)* Tính minh bạch.

Tuy mức độ đề cập những đặc điểm, tiêu chí có thể khác nhau về phạm vi các vấn đề và trật tự giữa chúng, các tổ chức quốc tế đưa ra

những cách nhìn khác nhau về mức độ xem xét hoặc dùng các thuật ngữ khác nhau để chỉ một nền quản trị quốc gia hiện đại, nền quản trị tốt, như: đặc điểm, dấu hiệu, tiêu chí đánh giá, chuẩn mực, đặc trưng... Cũng như vậy, một số công trình nghiên cứu ở Việt Nam và một số nước cũng dùng các thuật ngữ tương tự, điều này một phần do cách tiếp cận, quan điểm xem xét và cũng còn do cách diễn đạt. Khi đề cập đặc điểm, dấu hiệu, nhân tố... phần lớn các công trình không chỉ gọi tên mà còn giải thích nội hàm, tầm quan trọng của vấn đề. Bên cạnh đó, khi dùng các thuật ngữ như tiêu chí, chuẩn mực, đặc trưng.. thì phần lớn được sử dụng với hàm ý mang tính khái quát chung. Hơn nữa bản thân từng thành tố như tính minh bạch, sự công bằng của luật pháp, trách nhiệm giải trình... cũng có các cấp độ khác nhau từ cao, trung bình, thấp, do đó khi đề cập đến nền quản trị quốc gia hiện đại là đề cập với nội hàm của các thành tố này ở mức cao, mang tính đồng bộ trong một chỉnh thể hữu cơ thống nhất, đó là mục tiêu hướng tới sự hoàn thiện nền quản trị của các quốc gia.

Có thể khái quát chung những đặc điểm cơ bản hoặc chuẩn mực chung của nền quản trị quốc gia hiệu đại, *đó là*, tính pháp quyền trong thực hiện quyền lực công, ở đây không chỉ là việc ban hành chính sách mà còn cả trong quá trình thực hiện phải tuân thủ pháp luật, theo đó các cơ quan công quyền, trên cơ sở các quy định của pháp luật, không thể ban hành các quyết định vượt phạm vi, thẩm quyền được quy định của pháp luật. *Thứ hai*, minh bạch, trong ban hành và thực thi chính sách, các quyết định hành chính, chủ thể chịu tác động của chính sách phải được biết, được tham gia, người dân được thông tin, thậm trí giám sát trong quá trình ban hành và thực thi chính sách. *Thứ ba*, trách nhiệm giải trình, các cơ quan công quyền khi ban hành chính sách phải có trách nhiệm giải trình không chỉ về mục đích ban hành, tác động xã hội mà còn phải chịu trách nhiệm về hậu quả theo thẩm quyền. *Thứ tư*, sự tham gia của người dân vào quá trình hoạch định và thực thi chính sách, được cung cấp thông tin, được tạo điều kiện để đóng góp, thể hiện quan điểm, trong một số trường hợp được trực

tiếp tham gia vào quá trình ban hành chính sách. *Thứ năm*, công bằng và không loại trừ, đây là đặc điểm mang tính tiến bộ, tích cực của chế độ xã hội, lợi ích của mọi người dân, các nhóm xã hội đều phải được cân nhau và coi trọng như nhau trong quá trình ban hành và thực thi chính sách, không ai bị bỏ lại phía sau, đặc biệt là nhóm người yếu thế đều phải có cơ hội, tiếng nói tham gia vào quá trình quản trị. *Thứ sáu*, nhanh nhạy phản ứng tương thích, kịp thời đây là đặc điểm phản ánh hiệu lực, hiệu quả của nền quản trị công. Muốn vậy, các cơ quan công quyền phải phát hiện nhanh, sớm các vấn đề phát sinh và có phản ứng tương thích, nhờ đó không chỉ bảo vệ lợi ích của người dân, đất nước mà còn nâng cao tính cạnh tranh quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hóa. Ngoài ra, các đặc điểm khác, như tầm nhìn chiến lược, có thể dự đoán được, chống tham nhũng là các dấu hiệu phát sinh, là hệ quả khi thực hiện tốt các đặc điểm chính nêu trên.

Trong lĩnh vực kinh tế, Báo cáo môi trường kinh doanh năm 2016. WB chia các nền kinh tế thành 4 nhóm: *i)* Các nền kinh tế có các quy

định chất lượng cao và việc thực thi rất có hiệu quả; *ii*). Các nền kinh tế có các quy định chất lượng thấp và thực thi kém hiệu quả.*iii*). Các nền kinh tế có các thủ tục kinh doanh nhanh chóng, thuận lợi, song các quy định có chất lượng không cao *iv*.) Các nền kinh tế có chất lượng của các quy định tốt, song tiến trình thực thi phức tạp, kém hiệu quả. Ngoài ra, các tổ chức quốc tế lớn, có uy tín đặc biệt là Liên hợp quốc còn đưa ra nhiều chỉ số đánh giá các khía cạnh khác nhau để đo lường hiệu lực, hiệu quả của nền quản trị quốc gia hiện đại.

2. Xây dựng và hoàn thiện nền quản trị quốc gia hoạt động hiệu lực, hiệu quả ở Việt Nam - từ quan điểm đến hiện thực

Quá trình xây dựng và hoàn thiện nền quản trị quốc gia hoạt động hiệu lực, hiệu quả ở Việt Nam luôn gắn liền với quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân. Để Nhà nước hoạt động hiệu lực, hiệu quả trước hết phải chuyển đổi căn bản mô hình, chức năng và nhiệm vụ của Nhà nước phù hợp với từng giai đoạn cách mạng ở Việt Nam. Từ khi đất

nước tiến hành công cuộc đổi mới, đặc biệt là sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ban hành Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội năm 1991 và sau đó là Cương lĩnh (Bổ sung và phát triển 2011), mô hình Nhà nước kiểu mới, hoạt động hiệu lực, hiệu quả luôn là mục tiêu xây dựng và hoàn thiện trong từng nhiệm kỳ. Theo đó, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân là một trong 8 đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa, đó là: *” Có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân Đảng Cộng sản lãnh đạo”*¹, sau đó được cụ thể hóa một cách đầy đủ: *“Nhà nước ta là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực Nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh... Quyền lực Nhà nước là thống nhất; có sự phân công, phối hợp và kiểm soát giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Nhà nước ban hành pháp luật; tổ chức, quản lý xã hội bằng pháp luật và không ngừng tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa”*².

Những quan điểm trên có tầm quan trọng đặc biệt định hướng cho việc hoàn thiện nhà nước hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, giai đoạn 2010-2020, Hiến pháp năm 2013 và nhiều văn bản quan trọng khác của Đảng và Nhà nước khẳng định: tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý, điều hành và năng lực kiến tạo phát triển. Trong đó “Huy động, sử dụng các nguồn lực thực hiện theo cơ chế thị trường. *Đổi mới phương thức quản trị quốc gia*, nhất là quản lý phát triển và quản lý xã hội. Xây dựng bộ máy nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa tinh gọn, hiệu lực và hiệu quả; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền bảo đảm quản lý thống nhất, phát huy tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của các cấp, các ngành”³. Thực hiện tốt chức năng Nhà nước, giải quyết tốt mối quan hệ giữa nhà nước - thị trường - xã hội; Nhà nước quản lý điều hành nền kinh tế bằng pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và các công cụ điều tiết khác trên cơ sở các quy luật của

thị trường. Chú trọng phát triển xã hội, quản lý và sử dụng hiệu quả tài sản quốc gia, những định hướng trên cần tiếp tục được phát triển, cụ thể hóa trong điều kiện mới.

Từ những quan điểm trên, sau gần 40 năm đổi mới, đặc biệt là 10 năm thực hiện Cương lĩnh (bổ sung, phát triển 2011). Việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có bước phát triển mới, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước được nâng lên; nội dung, phương thức quản lý nhà nước đã từng bước điều chỉnh phù hợp hơn với yêu cầu phát triển đất nước và thông lệ quốc tế. Hệ thống pháp luật được hoàn thiện một bước cơ bản. Vai trò của pháp luật và thực thi pháp luật ngày càng được chú trọng trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước và đời sống xã hội. Cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp ngày càng rõ hơn và có chuyển biến tích cực. Bộ máy nhà nước bước đầu được sắp xếp lại theo hướng tinh gọn gắn với tinh giản biên chế, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Cải cách hành chính của bộ

máy nhà nước được đẩy mạnh; Kỷ luật, kỷ cương trong các cơ quan hành chính nhà nước được tăng cường. Thực hiện công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình, đối thoại, tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo... Cải cách tư pháp trên một số lĩnh vực có bước đột phá, chất lượng hoạt động có tiến bộ, bảo vệ tốt hơn lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân; tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân.

Các cơ quan quyền lực nhà nước tiếp tục được củng cố, hoàn thiện theo hướng hiệu lực, hiệu quả phù hợp với quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Hoạt động của Quốc hội trong xây dựng pháp luật, giám sát tối cao và quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước có nhiều đổi mới, chất lượng và hiệu quả được nâng cao. Hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp có nhiều đổi mới. Chính phủ và các bộ, ngành chủ động, tích cực, tập trung hơn vào quản lý, điều hành vĩ mô theo hướng chính phủ kiến tạo, chính phủ hành động, phục vụ; tháo gỡ các rào cản; phục vụ,

hỗ trợ phát triển. Tổ chức bộ máy của chính quyền địa phương được sắp xếp lại theo hướng tinh gọn; quan tâm xây dựng chính quyền đô thị, chính quyền nông thôn, khẩn trương triển khai xây dựng chính quyền điện tử. Tổ chức bộ máy của toà án nhân dân, viện kiểm sát nhân dân, cơ quan điều tra, cơ quan bảo trợ tư pháp tiếp tục được kiện toàn, chất lượng hoạt động có tiến bộ, bảo vệ tốt hơn lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức và cá nhân; tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân.

Rõ ràng rằng, theo đặc điểm của nền quản trị quốc gia hiện đại, hiệu lực, hiệu quả ở Việt Nam được xây dựng và hoàn thiện gắn chặt với quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đó là quá trình từng bước, đồng bộ, có tính kế thừa và tiếp cận với các chuẩn mực quốc tế, phù hợp với thực tiễn. Các đặc điểm về tính pháp quyền; minh bạch; trách nhiệm giải trình; sự tham gia của người dân; công bằng và không loại trừ; sự tham gia của người dân; phòng chống tham nhũng tiếp tục được coi trọng và một số chỉ số có vị trí xếp hạng ngày càng tiến bộ trong

đánh giá quốc tế, đặc biệt trong nhiệm kỳ XII của Đảng. Có thể thấy, một số chỉ số phản ánh mức độ hiệu lực, hiệu quả của nền quản trị quốc gia ở Việt Nam. Theo WB và cơ quan thống kê của Liên Hợp quốc, tăng trưởng của Việt Nam 6,4%/năm trong giai đoạn 2011-2017, cao hơn mức bình quân của nhóm nước có thu nhập trung bình thấp (5,4%), các nước Đông Nam Á (5%)⁴. Chất lượng tăng trưởng được cải thiện, năng suất lao động nâng lên rõ rệt, đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) tăng từ 33,6% bình quân giai đoạn 2011-2015 lên khoảng 44,3% giai đoạn 2016-2020, tính chung trong 10 năm 2011-2020 đạt 39,3%. Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân giai đoạn 2011-2015 là 4,3%/năm, giai đoạn 2016-2020 là 5,8%/năm. Hiệu quả đầu tư được nâng lên; hệ số ICOR giảm từ gần 6,3 giai đoạn 2011-2015 xuống còn khoảng 6,1 giai đoạn 2016-2020. Tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tăng mạnh với nhiều dự án quy mô lớn, công nghệ cao, giai đoạn 2011-2020 đạt trên 278 tỷ USD. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu tăng 3,6 lần, từ 157,1 tỷ USD năm 2010

lên khoảng 566 tỷ USD năm 2020, tương đương trên 190% GDP, năm 2022 lên hơn 730 tỷ USD.

Một số xếp hạng quốc tế đáng ghi nhận về hiệu lực, hiệu quả nền quản trị quốc gia ở Việt Nam, như năng lực cạnh tranh toàn cầu của ngành công nghiệp Việt Nam, theo tổ chức phát triển công nghiệp Liên hợp quốc (UNIDO) xếp hạng từ vị trí 58 vào năm 2009 lên thứ 44 vào năm 2018. Chỉ số đổi mới sáng tạo tăng vượt bậc, năm 2019 xếp thứ 42/129, tăng 17 bậc so với năm 2016, dẫn đầu trong 29 quốc gia có thu nhập trung bình thấp. Năm 2021 lên thứ 42. Theo PISA, kết quả giáo dục phổ thông của Việt Nam vượt mức trung bình của học sinh các nước khối OECD..., ngoài ra còn nhiều sự tiến bộ khác thể hiện tính hiệu lực, hiệu quả của nền quản trị quốc gia của Việt Nam. Điểm chung nhất ở đây là sự đổi mới mạnh mẽ trong tổ chức và hoạt động của chính phủ. Theo kết quả khảo sát của Liên hợp quốc năm 2018, Việt Nam xếp hạng thứ 88/193 quốc gia về chính phủ điện tử trực tuyến và xếp hạng 59/ 193 quốc gia về chỉ số dịch vụ công trực tuyến. Cả

nước có trên 46.800 dịch vụ công, trong đó 38.587 dịch vụ công mức độ 3 và 8.590 dịch vụ công mức độ 4. Thủ tục hành chính được cắt giảm, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp, danh mục kinh doanh có điều kiện giảm từ 267 ngành năm 2014, xuống còn 243 ngành năm 2016⁵. Hệ thống luật pháp, cơ chế chính sách tiếp tục được hoàn thiện, sự tham gia của người dân, tính minh bạch thông tin được coi trọng hơn, chỉ số PAPI, đo lường chất lượng quản trị công ở các địa phương được đánh giá thường xuyên. Công tác đấu tranh phòng chống tham nhũng tiếp tục thu được nhiều kết quả tích cực. Những kết quả nêu trên càng khẳng định hiệu lực, hiệu quả của nền quản trị quốc gia của Việt Nam có nhiều tiến bộ.

Tuy vậy, nền quản trị quốc gia ở Việt Nam vẫn còn những hạn chế, WB đánh giá chất lượng các quy định và hiệu lực của chính phủ Việt Nam còn thấp (đứng thứ 91 năm 2016, 82 năm 2017, và 68 năm 2018 trong 190 nền kinh tế được xếp hạng). Năm 2018, một số chỉ số của Việt Nam còn khá thấp, như: khởi sự kinh doanh thứ 123 và phá sản thứ 129 trong số quốc

gia được WB đánh giá. Việc thực hiện phân cấp, phân quyền Trung ương và chính quyền địa phương vẫn còn nhiều hạn chế, chưa phát huy hết vai trò, trách nhiệm, sự chủ động của cơ sở, đặc biệt là trong lĩnh vực kinh tế, trong quản lý nguồn lực, chống tham nhũng, tiêu cực. Trách nhiệm giải trình của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước trước dân còn có nơi hình thức. Vai trò của hệ thống thông tin, báo chí đã được coi trọng hơn, nhưng việc xử lý thông tin, trách nhiệm giải quyết một số vụ việc chưa rõ ràng, thậm trí nhiều vụ việc còn chưa minh bạch. Điều này cho thấy cần sớm được khắc phục trong việc nâng cao hiệu quả nền quản trị quốc gia nói riêng và xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa nói chung trong giai đoạn mới.

3. Một số định hướng giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả nền quản trị quốc gia Việt Nam trong thời gian tới

Một là, quản trị quốc gia hiện đại hoạt động hiệu lực, hiệu quả ở Việt Nam phải đặt trong quá trình tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì

nhân dân, do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị. Nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Nhà nước theo hướng kiến tạo phát triển, liên chính, hành động. Trong điều kiện mới, xác định rõ hơn vai trò, vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp trên cơ sở các nguyên tắc pháp quyền, bảo đảm quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ và tăng cường kiểm soát quyền lực nhà nước. Xây dựng và hoàn thiện cơ chế để người dân tham gia đầy đủ hơn vào quá trình hoạch định và thực hiện chính sách. Lấy quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân, doanh nghiệp làm trọng tâm thúc đẩy đổi mới sáng tạo, bảo đảm yêu cầu phát triển nhanh, bền vững.

Xác định rõ hơn chức năng quản lý nhà nước, điều hành nền kinh tế bằng pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và các công cụ điều tiết trên cơ sở quy luật thị trường, đi đôi với tăng cường công tác giám sát, giảm các tác động tiêu cực của thị trường, không

can thiệp, làm sai lệch các quan hệ thị trường. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, xác định rõ trách nhiệm giữa chính phủ với các bộ, ngành; giữa chính phủ, các bộ, ngành với chính quyền địa phương, bảo đảm quản lý nhà nước thống nhất, đồng thời phát huy vai trò chủ động, sáng tạo, tinh thần trách nhiệm của từng cấp, từng ngành; khắc phục triệt để chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn; tiếp tục sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng tinh gọn, bảo đảm chất lượng, hiệu quả. Nâng cao chất lượng dịch vụ công.

Hai là, đổi mới, hoàn thiện cơ cấu tổ chức của chính phủ, các bộ, ngành theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, trên cơ sở tổ chức hợp lý các bộ đa ngành, đa lĩnh vực; phát huy đầy đủ vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, thực hiện quyền hành pháp, tập trung vào quản lý vĩ mô, xây dựng thể chế, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch. Tăng cường năng lực dự báo và khả năng thích ứng chính sách trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Thúc đẩy xây dựng

chính phủ điện tử, tăng cường sự kết nối, trao đổi thông tin thường xuyên giữa chính quyền các cấp, giữa chính quyền với người dân và doanh nghiệp. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật, thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật; cải cách thủ tục hành chính; kiện toàn tổ chức, tinh giảm hợp lý đầu mối, bỏ cấp trung gian, tinh giản biên chế. Gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng pháp luật với tổ chức thi hành pháp luật. Hoàn thiện cơ chế về trách nhiệm giải trình, chịu trách nhiệm về những hậu quả trong ban hành và thực thi chính sách của các cơ quan nhà nước, lấy lợi ích người dân, sự hài lòng của người dân và lợi ích xã hội làm tiêu chí đánh giá.

Ba là, nghiên cứu, chủ động tham gia sâu hơn các luật chơi, tiêu chí đánh giá quốc tế, những chuẩn mực về quản trị doanh nghiệp, nền quốc gia hiện đại, phù hợp với thực tiễn Việt Nam trong quá trình hội nhập của đất nước. Xác định đúng mức, linh hoạt mức độ can thiệp của chính phủ (quy mô, phạm vi tác động của chính phủ tới nền kinh tế thị trường đến đâu là hiệu quả, tối ưu), khắc phục những thất bại của thị trường, như bất đối

xúng thông tin, hàng hóa công, các hiện tượng ngoại ứng, phân hóa giàu nghèo, bất bình đẳng, phát triển tự phát... Khẳng định Nhà nước đóng vai trò cực kỳ to lớn trong xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả, sự ổn định và phát triển của đất nước. Đồng thời, tiếp tục hoàn thiện cơ chế kiểm soát quyền lực, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí một cách hiệu quả. Các cơ quan công quyền thực thi các quyết định đã ban hành, phải tuân thủ các quy trình, bảo đảm việc sử dụng hiệu quả nhất các nguồn lực, đảm bảo sự công bằng, bình đẳng, không ai bị bỏ lại phía sau, nhất là các đối tượng yếu thế trong quá trình tổ chức thực hiện.

Bốn là, tiếp tục đẩy nhanh tiến độ ban hành các văn bản pháp luật, xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, kịp thời, đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch, ổn định. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, giáo dục pháp luật, đảm bảo cho pháp luật được nhận thức và thực hiện đầy đủ trên thực tế. Xây dựng nền tư pháp Việt Nam chuyên nghiệp, hiện đại, công bằng, nghiêm minh, liêm chính,

phụng sự Tổ quốc, phục vụ nhân dân. Đảm bảo cho hoạt động tư pháp làm tốt chức năng bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của tổ chức, cá nhân. Xây dựng và thực hiện Chiến lược cải cách tư pháp giai đoạn mới theo hướng tiếp tục đổi mới tổ chức, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động và uy tín của các cơ quan tư pháp và các cơ quan, tổ chức tham gia vào quá trình tổ tụng tư pháp; phòng ngừa và đấu tranh có hiệu quả với hoạt động của tội phạm và vi phạm pháp luật; giải quyết kịp thời, đúng pháp luật các loại tranh chấp, khiếu kiện theo luật định. Tăng cường khả năng tiếp cận pháp luật của người dân và doanh nghiệp.

Năm là, tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có đủ phẩm chất, năng lực phục vụ nhân dân và sự phát triển của đất nước. Nâng cao tính chuyên nghiệp, trách nhiệm, kỷ luật công vụ, có cơ chế lựa chọn, đào tạo, thu hút, trọng dụng nhân tài, khuyến khích, bảo vệ cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám đột phá, dám chịu trách

nhiệm vì lợi ích chung. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương đi đôi với cải cách tiền lương, chế độ, chính sách, đãi ngộ, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, điều kiện làm việc để thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phục vụ phát triển. Đưa ra yêu cầu, có cơ chế sàng lọc, thay thế kịp thời những người không hoàn thành nhiệm vụ, vi phạm pháp luật, kỷ luật, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp, không còn uy tín đối với nhân dân. Đẩy nhanh việc đầu tư, ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ trong quản trị doanh nghiệp, quản trị quốc gia, đặc biệt là công nghệ thông tin trong quá trình xây dựng nền kinh tế số, xã hội số. Tiếp cận những thành quả tiên tiến nhất trong quản trị quốc gia, ứng dụng vào thực tiễn Việt Nam.

Sáu là, hoàn thiện cơ chế thông tin, phản hồi, đảm bảo sự tham gia, giám sát của người dân trên thực tế trong suốt quá trình từ khâu ban hành chính sách, quyết định hành chính đến tổ chức thực hiện, coi đây là chìa khóa nâng cao chất lượng quản trị quốc gia trong giai đoạn hiện nay. Bên cạnh việc xây dựng và hoàn thiện bộ máy hành chính minh bạch và có trách nhiệm giải trình; chính phủ điện tử;

thiết lập cơ chế đối thoại liên tục; xây dựng hệ thống dịch vụ công hiệu quả, cần đẩy mạnh thông tin tuyên truyền, nâng cao nhận thức xã hội. Nghiên cứu, đưa ra cách tiếp cận lý thuyết về kinh tế thị trường hiện đại, giới hạn can thiệp của Nhà nước theo các chuẩn mực quốc tế; đặc điểm, mô hình quản trị quốc gia hiện đại trong điều kiện cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Nghiên cứu phân tích các tiêu

chí cụ thể, trên bộ tiêu chí quốc tế có thể đo lường được, phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Tiếp tục bổ sung, phát triển hệ thống lý luận về chủ nghĩa xã hội, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội; về Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân, các đặc điểm riêng gắn với các tiêu chí quốc tế, những vấn đề mang tính phổ quát; những vấn đề mang tính đặc thù, phù hợp với thực tiễn Việt Nam □

^{1,2} Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.70, 86

^{3,4} Báo cáo Tổng kết thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011-2020.

⁵ Tổng kết thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011-2020.

Tài liệu tham khảo:

1. Báo cáo tổng kết thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm, xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021-2030.
2. Du Khả Bình: Nội hàm banrchaats của hệ thống quản trị quốc gia, Tạp chí nghiên cứu lý luận, số 4-2014
3. Ngân hàng thế giới và Bộ Kế hoạch và Đầu tư: Báo cáo tổng quan Việt Nam 2035: Hướng tới thịnh vượng, sáng tạo, công bằng và dân chủ, 2016.
4. UNDP: Rà soát tổng quan các chương trình dự án giảm nghèo tại Việt Nam, Hà Nội, 2009.
5. Kaufmann (1997): *Measuring good and governnance*, the World Bank institute
6. World Bank: *Climbing the ladder: poverty reduction and shared prosperity in Viet-nam*, World bank's update report, 2018.

VỀ XÂY DỰNG HỆ GIÁ TRỊ QUỐC GIA, HỆ GIÁ TRỊ VĂN HÓA, HỆ GIÁ TRỊ GIA ĐÌNH VÀ HỆ GIÁ TRỊ CON NGƯỜI VIỆT NAM TRONG THỰC HIỆN HAI NHIỆM VỤ CHIẾN LƯỢC TỪ 1975 ĐẾN NAY

● GS, TS HỒ SĨ QUÝ

*Ủy viên Hội đồng lý luận Trung ương,
Nguyên Viện trưởng Viện Thông tin Khoa học Xã hội,
Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam*

Tóm tắt: Xây dựng các hệ giá trị cốt lõi, trong tương quan với việc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam - xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc XHCN - ngoài chức năng thể hiện ý chí, niềm tin, khát vọng phát triển của cả dân tộc, thì còn là nhiệm vụ đáp ứng yêu cầu phản ánh sự đúc kết, kế thừa những giá trị thực tế mà các thế hệ người Việt đã tạo dựng nên từ thực tế, dù sự đúc kết đó có thể chỉ là quá trình không chủ động.

Với hệ giá trị văn hóa Việt Nam, hành lang cơ bản chính là các giá trị cốt lõi đã được ghi trong văn bản từ năm 1998. Việc bổ sung chỉnh sửa cần thiết phải bám sát hành lang này. Về hệ giá trị quốc gia, thể hiện *sức mạnh* và *bản sắc* Dân tộc - Quốc gia, những giá trị

cần được nhấn mạnh vẫn phải là *độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ* và *sự thống nhất của cộng đồng 54 dân tộc*. Về hệ giá trị gia đình, tế bào sống còn của xã hội, thì giá trị được xây dựng vẫn cần phải thể hiện được: gia đình là *tâm điểm quy định quỹ đạo của hành vi và hoạt động* của mỗi cá

nhân. Về giá trị hay chuẩn mực con người, thì các giá trị văn hóa đã được khẳng định nên được coi là khung khổ xác định các chuẩn mực của từng tầng lớp cư dân, lý tưởng được phản ánh trong các chuẩn mực con người vẫn là nhằm mục tiêu phát triển con người toàn diện, hội tụ được các giá trị truyền thống và hiện đại về chân thiện, mỹ.

Giá trị kỳ vọng, thông thường rất khó trùng hợp với các giá trị mà bản thân đời sống đã tạo dựng nên. Nhưng một hệ giá trị có thể được coi là hoàn hảo khi nó không xa lạ với những giá trị thực tế của bản thân đời sống.

1. Giá trị kỳ vọng và giá trị ngầm định

Không nhiều quốc gia đã xây dựng hay có tuyên bố về các hệ giá trị cốt lõi của mình, đặc biệt, hệ giá trị quốc gia (Nation-state Core Values). Xác định hệ giá trị (Core Values) trên thực tế chỉ là công việc yêu thích của các doanh nghiệp, các công ty dịch vụ, các đảng phái, các quân binh chủng quân đội hay các nghiệp đoàn xã hội... ở một số nước.

Ở Việt Nam, việc xác định các hệ giá trị cốt lõi cho giai đoạn hiện nay là tiếp tục truyền thống có từ năm

1943 về đường lối xây dựng một nền văn hóa *Dân tộc, Khoa học, Đại chúng* (trong “Đề cương văn hóa Việt Nam”); từ năm 1945 về xác định Quốc hiệu của một Quốc gia *Độc lập, Tự do, Hạnh phúc*; và cũng là tiếp tục một quan điểm từ năm 1998 về xây dựng một nền văn hóa *Tiến tiến, đậm đà bản sắc dân tộc* (NQTW5 khóa VIII). Xác định hệ giá trị các hệ giá trị cốt lõi, do vậy được coi là công việc có tầm vóc chiến lược, có ý nghĩa quan trọng, đòi hỏi phải cẩn trọng, sâu sắc.

Bởi lẽ, xác định các hệ giá trị cốt lõi Việt Nam, về thực chất, là *tìm kiếm các định hướng sáng suốt để đời sống gia đình phát triển lành mạnh, là tế bào của tiến bộ xã hội; văn hóa nghệ thuật sáng tạo được nhiều tác phẩm trí tuệ có giá trị* nâng cao trình độ học thuật chuyên môn và mặt bằng dân trí; *con người có tự do, dân chủ là trung tâm của sự phát triển; Quốc gia giàu mạnh, trở thành nước phát triển và xã hội phồn vinh, hạnh phúc...*

Nhưng trên thực tế ở một số quốc gia và ở các tổ chức chính trị - xã hội, một hệ giá trị được xác định, dù đã tốt nhất, vẫn không tránh khỏi mới chỉ là

những giá trị kỳ vọng, những niềm tin chủ quan, những phương án cảm tính... mà ý nghĩa định hướng của chúng thường là không dễ thực hiện và rất khó kiểm soát. Trong khi đó, các giá trị đích thực của đời sống, lại tồn tại thực dưới hình thức các giá trị ngầm định, âm thầm hay mãnh liệt chảy trong lòng xã hội. Các hệ giá trị cốt lõi đã được xây dựng ở Thái Lan, Mỹ... hay ở một số doanh nghiệp, đảng phái, tổ chức xã hội, quân binh chủng quân đội... đều là những hệ giá trị như vậy.

Với Việt Nam, các giá trị ngầm định ấy là sản phẩm khách quan, tất nhiên của xã hội Việt Nam hôm nay - một cơ thể đang phát triển mạnh với nhiều mâu thuẫn chứa đựng trong nó: *cái chân đan xen với cái giả và không ít khi vẫn bị cái giả lộng hành; cái đẹp, cái thiện vẫn phải nhẫn nại sống chung với cái bất lương, cái xấu, cái ác...*

2. Về giá trị và hệ giá trị

Vấn đề giá trị và cách nhìn giá trị học bắt nguồn từ lối tư duy truyền thống của người Hy Lạp cổ đại. Ngay từ vài thế kỷ trước Công nguyên, các nhà triết học Pythagoras,

Socrates, Plato, Aristotle... khi tranh biện, đã phân biệt được sự khác nhau của các phán đoán dựa trên thực tế với các phán đoán dựa trên giá trị. Sự phân biệt này là lời cảnh báo đầu tiên đối với khuynh hướng tư duy triết học có xu hướng thoát ly khỏi tư duy khoa học, lý luận có xu hướng thiếu gắn kết với thực tiễn và ngược lại. Với giá trị, các nhà triết học triết học Hy Lạp cổ đại cũng đã có những ý tưởng khá sâu về tính khách quan và tính chủ quan của các giá trị. Về sau, Immanuel Kant, Jakob Friedrich Fries, Hermann Lotze... là những người đã khai thác và phát triển tư tưởng này thành những luận thuyết triết học về giá trị chủ quan và giá trị khách quan, mở ra những xu hướng rất nền tảng để con người giải quyết những vấn đề của xã hội hiện đại.

Mặc dù có nguồn gốc từ triết học Hy Lạp cổ đại, nhưng *Giá trị học* (Axiology, có gốc từ tiếng Hy Lạp Ἀξιολογία) lại là một loại hình triết học về giá trị được thừa nhận là xuất hiện từ cuối thế kỷ XIX, khi các học phái triết học đã phát triển đến trình độ cao. Các nhà triết học Đức và châu Âu, khi nghiên cứu đạo đức học về điều thiện

và mỹ học về cái đẹp của triết học Hy Lạp cổ đại, đã nhận thấy sự tồn tại nhiều giá trị khác bên cạnh giá trị hàng hóa mà Adam Smith đã khẳng định trong kinh tế học chính trị. Giá trị học ra đời trên cơ sở mở rộng đáng kể quan niệm về *giá trị* của Adam Smith. Thuật ngữ Axiology được Paul Lapie sử dụng lần đầu tiên vào năm 1902 và sau đó là Eduard von Hartmann vào năm 1908. Axiology chủ yếu nghiên cứu các loại giá trị trong đời sống đạo đức và thẩm mỹ - chân, thiện, mỹ, hài hòa... Ngoài ra Axiology hình thức (Formal Axiology), một hướng nghiên cứu các nguyên tắc giá trị bằng toán học, được đề xuất và phát triển bởi nhà triết học Mỹ gốc Đức Robert S. Hartman. Giá trị học có đối tượng nghiên cứu là giá trị (Values) và có chức năng là nghiên cứu về cái tốt, cái đẹp, cái có giá trị theo nghĩa rộng nhất của khái niệm này¹.

Ở Việt Nam, giá trị học đến nay chưa hề được giảng dạy trên bất cứ giảng đường nào, kể cả đối với các sinh viên chuyên triết.

Đặc trưng của vấn đề giá trị và cách nhìn giá trị học là ở chỗ, con

người khác hẳn các loài khác là *không chỉ sống trong thế giới các đồ vật mà còn sống trong thế giới các giá trị*. Chỉ có con người mới nhìn mình và nhìn thế giới qua lăng kính giá trị. Hay hoặc dở, xấu hay đẹp, thiện hay ác, cao cả hay thấp hèn, vĩ đại hay tầm thường, đắt hay rẻ... đó là những khuôn thước chỉ con người mới dùng để xem xét thế giới. Bản thân thế giới không tự nó đẹp hay xấu, thiện hay ác, vĩ đại hay tầm thường... Vì thế giá trị đạo đức hay giá trị văn hóa, giá trị truyền thống hay giá trị hiện đại, giá trị xã hội hay giá trị cá nhân, giá trị dân tộc hay giá trị giai cấp... tất cả đều là thang bậc đánh giá của con người. Nhưng điều thú vị của cách nhìn giá trị là, những thang bậc ấy lại không thuần túy chỉ mang tính chủ quan, không thuần túy chỉ là sản phẩm tưởng tượng của đầu óc hơn kém của con người. Có những giá trị chủ yếu là do thực tế khách quan quy định, nhưng có những giá trị chủ yếu là nảy sinh từ quan niệm chủ quan của con người.

Có rất nhiều định nghĩa khái niệm *giá trị* có thể trích dẫn được. Các sắc thái và các nội dung được nhấn

mạnh trong mỗi định nghĩa thường không giống nhau, nhưng nội hàm của khái niệm thì cơ bản là không mấy khác nhau. Do vậy, chúng tôi thấy việc cần thiết hơn trích dẫn là diễn giải cách hiểu xuyên qua các định nghĩa đó.

Theo chúng tôi, hiểu theo nghĩa phổ biến nhất, giá trị là *ý nghĩa của sự vật, hiện tượng* - đối tượng được xem xét - mà con người - xã hội, cộng đồng hoặc cá nhân - nhìn nhận và đánh giá về sự vật, hiện tượng đó. Nói cách khác, *giá trị chẳng qua chỉ là ý nghĩa của sự vật được bộc lộ trong và đối với đời sống con người*. Trong số các định nghĩa mà chúng tôi được biết, định nghĩa của Từ điển bách khoa triết học Nga xuất bản lần đầu năm 1989 theo chúng tôi, là hay nhất, rõ nhất, phản ánh được nội hàm khái niệm. Định nghĩa được diễn đạt như sau: “Giá trị là thuật ngữ được sử dụng rộng rãi trong các tài liệu triết học và xã hội học dùng để chỉ ý nghĩa văn hóa và xã hội của các hiện tượng. Về thực chất, toàn bộ sự đa dạng của hoạt động người, của các quan hệ xã hội, bao gồm cả những hiện tượng tự nhiên có liên quan, có

thể được thể hiện là các “giá trị khách quan” với tính cách là khách thể của quan hệ giá trị, nghĩa là, được đánh giá trong khuôn thước của thiện và ác, chân lý và sai lầm, đẹp và xấu, được phép và cấm kỵ, chính nghĩa và phi nghĩa, v.v.. Khi định hướng đối với hoạt động của con người, phương thức và tiêu chuẩn được dùng làm thể thức đánh giá sẽ định hình trong ý thức xã hội và trong văn hóa thành các “giá trị chủ quan” (bảng đánh giá, mệnh lệnh và những điều cấm, mục đích và ý đồ... được thể hiện dưới hình thức các chuẩn mực). Giá trị khách quan và giá trị chủ quan là hai cực của quan hệ giá trị của con người với thế giới”².

Về “hệ giá trị”, thực ra đây không hẳn là khái niệm độc lập, mà chỉ là cách gọi nhằm để chỉ một tập hợp của những giá trị của một cộng đồng nhất định. Trong sách báo lý luận, “hệ giá trị” đôi khi còn được gọi là “bảng giá trị”. Khi các giá trị tồn tại trong hệ giá trị hay bảng giá trị, hệ giá trị đóng vai trò là *giá trị quan*, thể hiện quan điểm giá trị, cách nhìn giá trị, xu hướng định hướng giá trị của chủ thể. Chẳng hạn, trong hệ giá trị

của người Việt, yêu nước, hiếu học, cần cù lao động, trách nhiệm cộng đồng... là những giá trị hàng đầu; còn trong hệ giá trị của người Mỹ, những giá trị hàng đầu lại là tự lực cánh sinh, sáng tạo, có khả năng làm thay đổi cộng đồng... Hiểu được giá trị quan của một cộng đồng, người ta có thể hiểu được tại sao đối với cộng đồng này thì hiếu học, yêu lao động... là những giá trị được ưu tiên, còn đối với cộng đồng khác thì tự lực cánh sinh hay sáng tạo lại được ưu tiên. Không có dân tộc nào kém tinh thần yêu nước, nhưng không phải mọi dân tộc đều xếp yêu nước là giá trị hàng đầu. Cũng tương tự, gia đình nào cũng coi giàu có, đỗ đạt, sang trọng... là giá trị, nhưng do điều kiện sống hoặc do đặc thù về thái độ, niềm tin, sở thích... nên không nhiều gia đình đặt mục tiêu hàng đầu là giàu có, đỗ đạt, sang trọng hoặc vinh hiển... Nghĩa là bảng giá trị của mỗi gia đình, mỗi cộng đồng, mỗi quốc gia... thường là khác nhau, điều đó do sự ưu tiên lựa chọn của chủ thể quy định; nhưng như vậy không có nghĩa là người Việt yêu nước, hiếu học, còn dân tộc khác thì không yêu

nước và không hiếu học³. Lỗi suy diễn từ sự nhầm lẫn giữa giá trị và bảng giá trị đã khiến cho một số người thắc mắc, khi Nghị quyết Trung ương 5 khóa VIII trước đây khẳng định một số giá trị cụ thể của văn hóa Việt Nam⁴.

3. Vấn đề xây dựng các hệ giá trị cốt lõi ở Việt Nam

Hệ giá trị của văn hóa Việt Nam trên thực tế là được xác định từ NQTW 5 khóa VIII năm 1998. Tuy nhiên, sau 15 năm thực hiện, như đánh giá chính thức tại NQTW 9 khóa XI (33-NQ/TW), “Thành tựu trong lĩnh vực văn hóa chưa tương xứng; chưa đủ để tác động có hiệu quả xây dựng con người và môi trường văn hóa lành mạnh. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong Đảng và trong xã hội có chiều hướng gia tăng. Đời sống văn hóa tinh thần ở nhiều nơi còn nghèo nàn, đơn điệu; khoảng cách hưởng thụ văn hóa giữa miền núi, vùng sâu, vùng xa với đô thị và trong các tầng lớp nhân dân chậm được rút ngắn. Môi trường văn hóa còn tồn tại tình trạng thiếu lành mạnh, ngoại lai, trái với thuần phong

mỹ tục; tệ nạn xã hội, tội phạm có chiều hướng gia tăng. Còn ít những tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị cao về tư tưởng và nghệ thuật, có một số tác phẩm chạy theo thị hiếu tầm thường, chất lượng thấp, thậm chí có hại”⁵.

Với nội dung “hoàn thiện *các chuẩn mực giá trị văn hóa và con người...*, xây dựng *hệ giá trị chuẩn của con người Việt Nam* thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế”, NQ số 33-NQ/TW đã ra đời năm 2014 nhằm khắc phục tình trạng đó.

Mặc dù vậy, sau 5 năm thực hiện 33-NQ/TW khóa XI, tức là sau 20 năm thực hiện NQTW 5 khóa VIII, các vấn đề về văn hóa và con người, đặc biệt tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong Đảng và trong xã hội lại dường như ngày càng có chiều hướng bức xúc hơn. Ngày 4/6/2020 Bộ Chính trị đã ra kết luận đánh giá tình trạng này. Kết luận chỉ rõ, sự nghiệp phát triển văn hóa và xây dựng con người, bên cạnh những thành tựu đáng kể đã đạt được, vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém, trong đó, “Việc xây dựng hệ giá

trị văn hóa và *hệ giá trị chuẩn mực của con người Việt Nam* thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế *chưa đạt được mục tiêu đề ra*. Đạo đức, lối sống có mặt xuống cấp đáng lo ngại”⁶.

Đây cũng chính là lý do khiến vấn đề xây dựng chuẩn mực con người được đặt ra tại Đại hội XIII của Đảng. Trong nội dung thứ VII của Báo cáo chính trị “Xây dựng và phát huy giá trị văn hoá, sức mạnh con người”, Văn kiện Đảng xác định: “Tập trung nghiên cứu, xác định và triển khai xây dựng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hoá và *chuẩn mực con người* gắn với giữ gìn, phát triển hệ giá trị gia đình Việt Nam trong thời kỳ mới... Từng bước vươn lên khắc phục các hạn chế của con người Việt Nam đã tồn tại trong lịch sử; xây dựng con người Việt Nam thời đại mới, gắn kết chặt chẽ, hài hoà giữa giá trị truyền thống và giá trị hiện đại”⁷.

Nội dung này có phần khác trước, khi về mặt lý luận, chủ trương xây dựng *chuẩn mực con người* được thay thế cho việc xác định *hệ giá trị con người Việt Nam*.

Nếu từ năm 1998 tức là từ Hội nghị Lần thứ 5 BCH TW khóa VIII, đến năm 2014, khái niệm được dùng chủ yếu trong các tài liệu lý luận là “Hệ giá trị văn hóa Việt Nam”, thì từ năm 2014 tức là từ Hội nghị lần thứ 9 BCH TW khóa XI, khái niệm “Hệ giá trị con người” đã được sử dụng phổ biến hơn. Từ đó, trên sách báo lý luận hai khái niệm này thường được dùng song song với nhau hoặc được gọi là “Hệ giá trị văn hóa và con người Việt Nam”.

Sự dịch chuyển của việc sử dụng các khái niệm này có một ý nghĩa nhất định.

Bởi *hệ giá trị văn hóa* ở phạm vi cộng đồng, đặc biệt ở phạm vi các cộng đồng lớn như dân tộc hay quốc gia, về thực chất cũng chính là *hệ giá trị con người*. Không có văn hóa nào không phản ánh khả năng và trình độ của chủ thể của nó là con người cả. Nói đến giá trị văn hoá, chẳng qua là nói đến giá trị của kẻ làm ra nó - con người (con người tạo ra văn hóa - giới tự nhiên thứ hai).

Nhưng đáng chú ý hơn, đời sống xã hội Việt Nam đầu thế kỷ XXI đã xuất hiện tình trạng văn hóa xuống cấp, thậm chí đến mức đáng lo ngại, “không đủ để tác động có hiệu quả đến xây dựng con người. Tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống trong Đảng và trong xã hội có chiều hướng gia tăng”⁸. Do vậy, việc chú

Việc chú trọng hơn đến xây dựng các chuẩn mực con người có thể coi là một bước đi thiết thực hơn trong hoạt động lý luận và thực tiễn về xây dựng con người và văn hoá Việt Nam.

trọng hơn đến xây dựng các *chuẩn mực con người* có thể coi là một bước đi thiết thực hơn trong hoạt động lý luận và thực tiễn về xây dựng con người và văn hoá Việt Nam.

Tại Hội nghị văn hóa toàn quốc 24/11/2021, về các giá trị cốt lõi mà văn kiện Đại hội XIII đã đề cập, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng coi một trong những “nhiệm vụ trọng tâm của việc xây dựng giữ gìn, chấn hưng và phát triển nền văn hóa dân tộc” là: “Xây dựng con người Việt Nam thời kỳ đổi mới, phát triển, hội nhập với những giá trị chuẩn mực phù hợp, gắn với giữ gìn, phát huy giá trị gia đình Việt

Nam, hệ giá trị văn hoá, giá trị của quốc gia - dân tộc; kết hợp nhuần nhuyễn những giá trị truyền thống với giá trị thời đại: Yêu nước, đoàn kết, tự cường, nghĩa tình, trung thực, trách nhiệm, kỷ cương, sáng tạo. Những giá trị ấy được nuôi dưỡng bởi văn hoá gia đình Việt Nam với những giá trị cốt lõi: Âm no, hạnh phúc, tiến bộ, văn minh; được bồi đắp, phát triển bởi nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc với hệ giá trị: Dân tộc, dân chủ, nhân văn, khoa học; trên nền tảng của hệ giá trị quốc gia và cũng là mục tiêu phấn đấu cao cả của dân tộc ta: Hoà bình, thống nhất, độc lập, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, hạnh phúc”⁹.

4. Về hệ giá trị quốc gia

Không nhiều quốc gia đã xây dựng hay có tuyên bố về hệ giá trị quốc gia (Nation-state Core Values) của mình¹⁰. Nhưng điều đó không có nghĩa là mỗi quốc gia - dân tộc không có hệ giá trị ở trình độ quốc gia dẫn dắt và soi đường cho họ phát triển. Lịch sử đặc thù của mỗi quốc gia, trên thực tế luôn tạo ra những hành lang an toàn và hợp lý, gồm những giá trị bản chất và đặc thù mà quốc gia đó đã

trải qua và đang hướng tới, để con người vận dụng kinh nghiệm, phát hiện quy luật phát triển, đồng thời củng cố niềm tin và ý chí, tạo động lực đi về tương lai.

Đối với bất cứ quốc gia nào, nói tới hệ giá trị quốc gia là nói tới hệ giá trị gắn liền với *sức mạnh* quốc gia, cũng là hệ giá trị có ý nghĩa xác định *bản sắc* quốc gia. Các dấu hiệu bản chất về sự tồn tại của một quốc gia là *độc lập, có chủ quyền; có sự thống nhất về kinh tế, xã hội và văn hoá; có sự đồng thuận về xã hội; dân chủ, dân quyền được đảm bảo...* Đây chính là các giá trị tạo nên sự tồn tại của một quốc gia.

Mặc dù các giá trị quốc gia cơ bản là giống nhau hoặc tương đương nhau giữa các quốc gia, nhưng trong thực tế, chúng lại được thực hiện và ưu tiên không giống nhau ở các quốc gia. Điều đó do điều kiện địa lý, tình huống lịch sử, tâm thức con người và đặc thù văn hoá xã hội... quy định. Những nét đặc thù đó làm nên bản sắc quốc gia.

Gắn liền với *sức mạnh* quốc gia, hệ giá trị quốc gia có ý nghĩa khách quan, thực tế, tức là được hình thành,

xác định từ trong lịch sử, là kết quả của quá trình lao động, đấu tranh để tồn tại và phát triển của các cộng đồng. Nhưng không khách quan tuyệt đối, hệ giá trị quốc gia còn phản ánh những *mong muốn, kỳ vọng, lý tưởng và niềm tin... của các cộng đồng; là cảm nhận và tâm thức của con người về tương lai đất nước*. Nghĩa là giá trị quốc gia có chức năng định hướng, tạo tâm thế tích cực, thậm chí thiêng liêng để các quốc gia thực hiện mục tiêu phát triển kỳ vọng của mình.

5. Về chuẩn mực con người

Đành rằng đối với con người nói chung, thậm chí con người ở trình độ toàn nhân loại, vẫn cần có (và đã có) những chuẩn mực xã hội cho những quan niệm, hoạt động và hành vi của họ. Tuy nhiên, việc xây dựng chuẩn mực con người Việt Nam, trên thực tế, lại đòi hỏi phải xây dựng cho được những chuẩn mực đủ khái quát, nhưng vẫn phù hợp với những con người cụ thể, hoạt động trong những lĩnh vực cụ thể, với những nghề nghiệp cụ thể, ở những trình độ lao động cụ thể...

Chuẩn mực con người của một bác sĩ chắc chắn phải khác với chuẩn

mực của một người thợ trong dây chuyền sản xuất công nghiệp hay nông nghiệp. Đây là một đòi hỏi khá phức tạp đặt ra đối với giới nghiên cứu. Nếu chuẩn mực con người chỉ được xác định ở những phẩm chất chung nhất, phổ biến nhất, thì ý nghĩa của việc xác định có thể sẽ là không nhiều. Còn nếu xác định chuẩn mực con người cho từng tầng lớp xã hội cụ thể, từng nhóm người cụ thể, hay cho từng loại hoạt động người cụ thể, thì khách thể và đối tượng của việc xác định lại quá lớn và quá chi tiết; tính khái quát và định hướng nhân sinh quan của chuẩn mực trở nên mờ nhạt.

Chỉ ngay với khái niệm “con người Việt Nam”, từ khá lâu trong giới nghiên cứu cũng đã có những tranh cãi khi phải phân biệt đâu là người Việt. Người Ê đê, người Mường, người Chăm, người Thái hay người các dân tộc thiểu số tại các địa phương..., khi được gọi là người Việt, thì vấn đề cũng không có gì quá phức tạp. Nhưng gọi là người Việt đối với người gốc nước ngoài mang quốc tịch Việt Nam, người gốc Việt không có quốc tịch Việt, hay người Hoa ở thành

phố Hồ Chí Minh, người Khmer ở Tây Nam bộ... thì những bất hợp lý có thể sẽ xuất hiện.

Việc xác định chuẩn mực con người cần thiết phải tính đến điều này.

Chuẩn mực con người Việt Nam là chuẩn mực của các cư dân trong toàn xã hội Việt Nam, gồm tất cả các nhóm xã hội, các tầng lớp dân cư, các công dân Việt. Chỉ cần duy nhất một cộng đồng nào đó cảm thấy chuẩn mực được xác định là xa lạ đối với họ, thì việc xác định chuẩn mực con người Việt Nam đã khó có thể coi là thành công.

Theo lý thuyết về chuẩn mực thì chuẩn mực xã hội chỉ thực sự là chuẩn mực khi áp dụng đối với các nhóm nhỏ. Còn đối với các nhóm lớn, đặc biệt đối với toàn xã hội, chuẩn mực xã hội không thể vẫn là các thiết chế có tính chất quy tắc, quy phạm, quy ước, tức là các chế tài có ý nghĩa cấm kỵ hoặc

trừng phạt. Ở những phạm vi này, chuẩn mực xã hội dần nhường chỗ cho luật pháp.

Như vậy, chuẩn mực con người Việt Nam nếu được xây dựng một cách hợp lý thì cũng mới chỉ là tập

hợp những quan niệm, những nguyên tắc kỳ vọng, có tính chất lý tưởng, chủ yếu về phương diện đạo đức hay nhân sinh quan. Điều đáng suy nghĩ là ở chỗ, nếu chỉ mang tính quy ước, chỉ là những quan niệm, những nguyên tắc lý tưởng, giống như những lời khuyên về phương diện đạo đức, thì tính chuẩn mực của các chuẩn mực xã hội đối với con người sẽ có ý nghĩa như thế nào.

Theo tinh thần bài nói của Tổng Bí thư Tại Hội nghị văn hoá toàn quốc 24/11/2021, việc xây dựng con người Việt Nam theo những chuẩn mực phù hợp, gắn với các giá trị cốt lõi (hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hoá và hệ

Việc xây dựng con người Việt Nam theo những chuẩn mực phù hợp, gắn với các giá trị cốt lõi là đòi hỏi cấp thiết của đời sống hiện nay. Có thể coi “yêu nước, đoàn kết, tự cường, nghĩa tình, trung thực, trách nhiệm, kỷ cương, và sáng tạo” là một phương án xác định chuẩn mực của con người Việt Nam phù hợp với những yêu cầu của thời kỳ mới.

giá trị gia đình Việt Nam) là đòi hỏi cấp thiết của đời sống hiện nay. Có thể coi “*yêu nước, đoàn kết, tự cường, nghĩa tình, trung thực, trách nhiệm, kỷ cương, và sáng tạo*” là một phương án xác định chuẩn mực của con người Việt Nam phù hợp với những yêu cầu của thời kỳ mới.

6. Về hệ giá trị gia đình Việt Nam

Trong lịch sử dựng nước, giữ nước và phát triển của dân tộc Việt Nam, gia đình bao giờ cũng giữ vai trò là tế bào của xã hội, là tổ ấm duy trì nòi giống, là thiết chế không thể thay thế để hình thành, nuôi dưỡng và giáo dục nhân cách mỗi người. Việc bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống, khơi dậy lòng yêu nước, bồi đắp tinh thần tự cường dân tộc, giải quyết các vấn đề xã hội, tạo động lực để xây dựng và phát triển đất nước, bảo vệ Tổ quốc... xưa cũng như nay, không bao giờ thiếu sự đóng góp lớn lao của thiết chế gia đình.

Những chuẩn mực giá trị tốt đẹp mà gia đình Việt Nam đã xây dựng và gìn giữ được đến ngày hôm nay, chính là sức mạnh vĩ đại của cả cộng đồng dân tộc. Trải qua quá trình lịch sử của công cuộc dựng nước và giữ

nước, những giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam đã được định hình và tỏ ra là có sức sống bền vững. Lòng yêu nước và tinh thần dân tộc, Tình yêu quê hương và yêu thương con người, Truyền thống thủy chung và hiếu nghĩa, Tinh thần hiếu học và cần cù lao động, sáng tạo,... - tất cả những phẩm chất ấy đã được các thế hệ gia đình Việt Nam gây dựng và giữ gìn, vun đắp và phát huy, để lại cho các thế hệ hôm nay và mai sau như một hành trang vô giá để tiếp tục phát triển.

Đối với mỗi cá nhân người Việt Nam, gia đình luôn là cội nguồn của mọi thành công, là điểm xuất phát để giải quyết mọi khó khăn trong công việc và trong đời sống. Khi mỗi cá nhân thắng lợi hay thành đạt, sau lưng họ là gia đình. Khi mỗi cá nhân gặp khó khăn hay thất bại, gia đình là nơi có thể đem lại cho họ hy vọng và nghị lực. Gia đình Việt Nam xưa nay luôn là nơi bình yên của mọi con người. Sự giáo dục, chăm sóc, thương yêu của gia đình, sự vun đắp, dành mọi điều tốt đẹp nhất cho các thế hệ sau đã, đang và sẽ vẫn là nguồn lực to lớn cho sự trưởng thành

của mỗi cá nhân, thúc đẩy mỗi các nhân phải có trách nhiệm đối với gia đình, xã hội và đất nước.

Đất nước phát triển, Tổ quốc vững bền không tách rời với gia đình yên ấm, con người hạnh phúc.

Trong giai đoạn hiện nay, trước sự biến động to lớn của xã hội, cấu trúc và quan hệ gia đình Việt Nam có những thay đổi, thậm chí có những thay đổi làm mai một truyền thống. Tuy vậy, giá trị cơ bản của gia đình vẫn luôn là thiêng liêng đối với mỗi con người. Gia đình vẫn là thiết chế giữ được nhiều nhất những nét tốt đẹp của truyền thống. Và vì vậy, giá trị gia đình sẽ vẫn mãi là một nhân tố đặc biệt đối với sự phát triển xã hội và đất nước.

Kết luận

Việc xây dựng hệ giá trị văn hóa Việt Nam có thể coi là đã có hành lang cơ bản với các giá trị cốt lõi đã được xây dựng từ NQTW 5 năm 1998. Dĩ nhiên, bổ sung chỉnh sửa vẫn là cần thiết, nhưng hành lang cơ bản thì có thể coi là đã được xác định. Về hệ giá trị quốc gia, những giá trị cốt lõi mà việc xây dựng không nên thoát ly là *độc lập, chủ*

quyền, toàn vẹn lãnh thổ với *sự thống nhất tinh thần và ý chí của 54 dân tộc anh em* - những nhân tố thể hiện và tạo nên *sức mạnh và bản sắc* Dân tộc - Quốc gia. Về hệ giá trị gia đình, ý nghĩa sống còn của nó vẫn là một thiết chế đảm bảo cho xã hội phát triển bền vững, là tế bào lành mạnh của xã hội, dù xã hội có phát triển theo hướng nào. Do vậy, giá trị gia đình cần được xây dựng như là *tâm điểm quy định quỹ đạo của hành vi và hoạt động* của mỗi con người - người thành đạt cũng như người thất bại, người có trọng trách lớn đối với xã hội cũng như người dân bình thường. Về giá trị hay chuẩn mực con người, thì các giá trị văn hóa đã được khẳng định nên được coi là khung khổ xác định các chuẩn mực của từng tầng lớp cư dân. Yêu cầu cao cả cần được phản ánh trong các chuẩn mực con người vẫn là nhằm mục tiêu phát triển con người toàn diện, hội tụ được các giá trị truyền thống và hiện đại về chân thiện, mỹ.

Về lý thuyết, các hệ giá trị cốt lõi đang được xây dựng dần thành công đến mấy, vẫn chỉ là các giá trị kỳ vọng. Trong thực tế, rất ít khi giá trị

kỳ vọng trùng khít với các giá trị mà đời sống con người (do mục tiêu sống và phát triển thực tế của chính họ) đã tạo dựng nên. Không xa lạ với những giá trị thực tế như vậy của bản thân đời sống - là yêu cầu chính đáng (không nên, không được phép lãng tránh) đặt ra đối với việc xây dựng các hệ giá trị cốt lõi.

Xây dựng các hệ giá trị cốt lõi Việt Nam (hệ giá trị gia đình, hệ giá trị văn hoá và hệ giá trị quốc gia, chuẩn mực con người Việt Nam), về thực chất, đó

là sự tìm kiếm một tổng thể các giá trị tin cậy, lý tưởng để định hướng thái độ và hành vi con người và cộng đồng, nhằm đánh thức tiềm năng, củng cố niềm tin, khơi dậy ý chí phát triển... để từng con người và toàn xã hội phát triển lành mạnh, thu hút được ngoại lực và tinh hoa văn hoá, văn minh nhân loại, thực hiện thành công mục tiêu kỳ vọng đến năm 2045, kỷ niệm 100 năm thành lập Nước, Việt Nam trở thành một quốc gia phát triển, có thu nhập cao $\square$

¹ Xem: Axiology. <https://www.britannica.com/topic/axiology>.

² Ценность. Философский Энциклопедический Словарь. Изд. Советская Энциклопедия. Москва, 1989. с. 732-733.

³ Xem: Hồ Sĩ Quý: *Về giá trị và giá trị châu Á*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.

⁴ Bản sắc văn hóa Việt Nam, tức những giá trị của văn hóa Việt Nam, của con người Việt Nam được khẳng định trong NQTW 5 khóa VIII là: 1) Lòng yêu nước và tinh thần dân tộc. 2) Ý thức cộng đồng (cá nhân - gia đình - làng xã - tổ quốc). 3) Sự tôn trọng tình nghĩa (đạo lý, nhân ái, khoan dung). 4) Cần cù trong lao động. Sự tinh tế trong ứng xử và giản dị trong lối sống. Xem: ĐCSVN: Văn kiện Hội nghị Trung ương lần thứ năm khóa VIII, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.56.

^{5, 8} ĐCSVN: NQTW 9 khóa XI. <https://thuvienphapluat.vn>.

⁶ ĐCSVN: Kết luận 76-KL/TW ngày 4/6/2020 của Bộ Chính trị. <https://thuvienphapluat.vn>

⁷ ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. t.I. Nxb Chính trị quốc

gia, Hà Nội, 2020, tr.143.

⁹ Nguyễn Phú Trọng: *Toàn văn phát biểu của Tổng Bí thư tại Hội nghị văn hóa toàn quốc*, <https://moit.gov.vn>.

Xem: 1). Smolicz J. J. (2002): *Core values and nation-states*, <https://www.degruyter.com>. 2). Class 6 America's Core Values: *Liberty, Equality & Self-Government*. <https://quizlet.com>. 3). Switzerland Global Enterprise (2016) *Intercultural Values*. <http://www.iberglobal.com>. 4). *The Twelve Core Values for a Strong Thailand*. 5). *U.S. Department of State, Core Values*. <https://20092017.state.gov>. 6). Kohls L. Robert (1989): *The values americans live by*. BY, <https://www.fordham.edu>.

Tài liệu tham khảo:

1. Axiology. <https://www.britannica.com/topic/axiology>.
2. Class 6 America's Core Values: Liberty, Equality & Self-Government. <https://quizlet.com>.
3. ĐCSVN: *Văn kiện Hội nghị Trung ương lần thứ năm khóa VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.
4. ĐCSVN (2014): *NQTW 9 khóa XI*. <https://thuvienphapluat.vn>.
5. ĐCSVN (2020): *Kết luận 76-KL/TW* ngày 4/6/2020 của Bộ Chính trị. <https://thuvienphapluat.vn>.
6. ĐCSVN (2021): *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. t.I, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021, tr.143.
7. Kohls, L. Robert (1989). *The values americans live by*. BY <https://www.fordham.edu>.
8. Hồ Sĩ Quý: *Về giá trị và giá trị châu Á*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
10. Smolicz J. J. (2002): *Core values and nation-states*, <https://www.degruyter.com>.
11. Switzerland Global Enterprise (2016): *Intercultural Values*, <http://www.iberglobal.com>.
12. *The Twelve Core Values for a Strong Thailand*. http://122.155.92.12/nnt_en.
13. Nguyễn Phú Trọng (2021): *Toàn văn phát biểu của Tổng Bí thư tại Hội nghị văn hóa toàn quốc*. <https://moit.gov.vn>.
14. Ценность. Философский Энциклопедический Словарь. Изд. Советская Энциклопедия. Москва, 1989. с. 732-733.

NHỮNG THÀNH TỰU TRONG NHẬN THỨC VÀ VẬN DỤNG CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN, TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI THỜI KỲ ĐỔI MỚI

● PGS, TS ĐỖ THỊ THẠCH

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Từ khi gặp được lý luận chủ nghĩa xã hội (CNXH), con đường đi lên CNXH của chủ nghĩa Mác - Lênin, nhất là từ khi xuất hiện nhà nước xã hội chủ nghĩa (XHCN) đầu tiên trên thế giới - nhà nước Xô Viết, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã khẳng định chỉ có đi theo chủ nghĩa Mác - Lênin, đi theo con đường Cách mạng Tháng Mười Nga, cách mạng giải phóng dân tộc mới giành được thắng lợi. Trên nền tảng của chủ nghĩa Mác - Lênin, sự cổ vũ của phong trào cộng sản, công nhân quốc tế, sự giúp đỡ của các nước trong

hệ thống XHCN, Đảng Cộng sản Việt Nam đã lãnh đạo nhân dân Việt Nam thực hiện thắng lợi cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân, mở ra kỷ nguyên độc lập cho dân tộc, đưa cả nước bước vào thời kỳ quá độ lên CNXH. Đặc biệt trong thời kỳ đổi mới, với những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trên các lĩnh vực của đời sống xã hội, Đảng Cộng sản Việt Nam đã cống hiến nhiều vấn đề lý luận không những có đóng góp bảo vệ những giá trị của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh mà còn bổ sung vào kho tàng lý luận của các nhà kinh điển mác

xít, trong đó, nổi bật và xuyên suốt là vấn đề nhận thức về CNXH, con đường đi lên CNXH của Việt Nam trong điều kiện đặc thù từ một nước nông nghiệp lạc hậu, trải qua hai cuộc chiến tranh vệ quốc kéo dài.

1. Nhận thức và vận dụng lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội

Khẳng định đi lên chủ nghĩa xã hội là một tất yếu của cách mạng Việt Nam

Lựa chọn con đường đi lên CNXH ở Việt Nam không phải là quyết định mang tính cá nhân hay nhất thời, mà là sự tổng hợp các điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan trong nước và quốc tế, trên cơ sở nghiên cứu lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và tổng kết thực tiễn; đó là một quá trình lâu dài và bền bỉ, trải muôn vàn thử thách với những giai đoạn hết sức cam go đối với vận mệnh của dân tộc và cách mạng Việt Nam. Đặc biệt, vào những năm 90 của thế kỷ XX, khi CNXH hiện thực ở Liên Xô và Đông Âu rơi vào khủng hoảng và sụp đổ, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế có sự thoái trào, ở Việt Nam lúc đó xuất hiện khá nhiều ý kiến trái chiều về vấn đề con đường

phát triển của đất nước, đòi xem lại tính khoa học, tính khách quan sự lựa chọn đường đi lên CNXH ở nước ta. Trước bối cảnh đó, Đảng ta vẫn tiếp tục kiên định: “Đảng và nhân dân ta quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh”. Tổng kết 25 năm đổi mới, Đảng ta khẳng định: “Đi lên chủ nghĩa xã hội là khát vọng của nhân dân ta, là sự lựa chọn đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, phù hợp với xu thế phát triển của lịch sử”¹. Bởi vì, “...Chỉ có CNXH, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ”². CNXH dù đang lâm vào khủng hoảng, thoái trào, nhưng “theo quy luật tiến hoá của lịch sử, loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội”³. Đây chính là sự kiên định của cách mạng Việt Nam.

Với những thành tựu của 35 năm đổi mới, 30 năm thực hiện Cương lĩnh 1991, đặc biệt 10 năm thực hiện Cương lĩnh 2011 đã chứng minh: “...con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn

Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại”⁴.

Xác định những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội Việt Nam

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tổng kết những thành công, thất bại của các mô hình XHCN trên thế giới, lần đầu tiên trong lịch sử xây dựng CNXH ở Việt Nam, *Cương lĩnh năm 1991* của Đảng đã xác định sáu đặc trưng cơ bản thể hiện bản chất của CNXH mà nhân dân ta xây dựng⁵. Tổng kết 25 năm thực hiện đổi mới, 20 năm thực hiện *Cương lĩnh 1991*, nhận thức về đặc trưng của CNXH Việt Nam ngày càng được hoàn thiện. *Cương lĩnh 2011* (bổ sung, phát triển) đã nêu 8 đặc trưng của xã hội XHCN mà nhân dân Việt Nam xây dựng⁶.

Tám đặc trưng của CNXH Việt Nam nêu trong *Cương lĩnh 2011* thể hiện quan điểm lý luận Mác - Lênin về CNXH. Một mặt, lấy phục vụ con người làm mục đích, tức là “tất cả vì con người”. Mặt khác, lấy việc phát huy sức mạnh của con người làm động lực chủ yếu để xây dựng thành công CNXH, tức là “tất cả do con người”. Các đặc trưng trong *Cương*

lĩnh 2011, đồng thời, cũng thể hiện sự quán triệt sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về CNXH: “Chủ nghĩa xã hội là làm sao cho dân giàu, nước mạnh..., là công bằng, hợp lý, mọi người đều được hưởng quyền tự do, dân chủ, được sống cuộc đời hạnh phúc...”, đặc biệt là sự tổng kết thực tiễn của Việt Nam, nhất là thực tiễn thời kỳ đổi mới. Những đặc trưng này biểu hiện như một kết cấu tổng thể, ổn định tương đối, nó không phải là một mô hình khép kín và cứng nhắc. Nó chứa đựng khả năng mở rộng nội hàm, tiếp tục bổ sung những nét mới là kết quả của việc không ngừng nâng cao trình độ lý luận và tổng kết thực tiễn phong phú, đa dạng. Nó là kết quả của sự kết hợp hài hòa cái phổ biến và cái đặc thù, cái chung và cái riêng để tạo nên một mô hình có tên gọi: *chủ nghĩa xã hội Việt Nam*. Nó thể hiện xu hướng gắn kết hợp lý tiến trình phát triển của CNXH với sự vận động không ngừng của nhân loại đi lên phía trước, kế thừa những thành tựu tiến bộ của loài người để xây dựng thành công CNXH.

Hệ thống chính thể của CNXH Việt Nam (ngoài đặc trưng tổng quát)

được thiết kế trên các trụ cột chính: *Chính trị* gồm: Nhân dân là chủ thể, là trung tâm của chế độ XHCN, Nhà nước pháp quyền XHCN là hình thức tối ưu thực hiện quyền làm chủ của nhân dân. *Kinh tế* là nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiên bộ phù hợp. Đó là nền kinh tế thị trường định hướng XHCN giữ vị trí là mô hình kinh tế tổng quát trong suốt thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam, là nền kinh tế luôn gắn tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội. *Văn hóa - xã hội* là chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của xã hội; văn hóa vừa thể hiện bản sắc dân tộc vừa có tính khoa học, hiện đại, phục vụ đại đa số nhân dân; con người được giải phóng và có điều kiện phát triển toàn diện. *Về quan hệ giữa các dân tộc trong nước* (đối nội) được thực hiện theo các nguyên tắc: Bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng tiến bộ và *quan hệ với nhân dân thế giới* (đối ngoại) thực hiện theo nguyên tắc: Hữu nghị và hợp tác... Hạt nhân của các trụ cột trong mô hình CNXH Việt Nam là sự

lãnh đạo của Đảng, vai trò chủ thể, vị trí trung tâm là nhân dân. Đây là nhân tố quyết định thắng lợi sự nghiệp xây dựng CNXH ở Việt Nam.

Có thể nói, làm rõ những đặc trưng cơ bản của CNXH Việt Nam được coi là một trong những thành tựu lý luận quan trọng của Đảng ta trong thời kỳ đổi mới, thể hiện những giá trị cốt lõi của chủ nghĩa xã hội Việt Nam, là bản chất tốt đẹp, ưu việt riêng có của chủ nghĩa xã hội Việt Nam, khẳng định CNXH mà nhân dân Việt Nam xây dựng sẽ đáp ứng mục tiêu: *một xã hội mà trong đó sự phát triển là thực sự vì con người*, khác hẳn về chất so với tất cả các chế độ xã hội cạnh tranh để chiếm đoạt lợi ích riêng giữa các cá nhân và phe nhóm. Đây là một xã hội hướng tới các giá trị tiến bộ, nhân văn, dựa trên nền tảng lợi ích chính đáng của con người, vì con người, do con người. Đây chính là mục tiêu, là con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và Nhân dân ta đã lựa chọn và đang kiên định, kiên trì theo đuổi⁷.

2. Nhận thức và vận dụng lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội

Trong thời kỳ đổi mới, nghiên cứu

lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tổng kết quá trình xây dựng đất nước thời kỳ trước đổi mới và thực tiễn xây dựng CNXH trên thế giới, để hiện thực hóa các đặc trưng trong mô hình *chủ nghĩa xã hội Việt Nam*, Đảng ta đã đề ra *phương hướng, biện pháp* xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH. Đây chính là nội dung cơ bản của con đường đi lên CNXH ở Việt Nam từ nay đến giữa thế kỷ XXI.

Trên cơ sở 7 *phương hướng* cơ bản xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội trong Cương lĩnh 1991⁸, Đại hội lần thứ XI đã bổ sung và phát triển thành 8 *phương hướng* cơ bản⁹. Nó vừa phản ánh tính phổ biến theo tinh thần chủ nghĩa Mác - Lênin về con đường xây dựng CNXH vừa thể hiện tính đặc thù của dân tộc Việt Nam và xu thế khách quan của thời đại. Thực chất, đây là các nhiệm vụ, biện pháp cơ bản, tất yếu để hiện thực hóa mô hình CNXH Việt Nam trong bối cảnh mới. Nó phản ánh nội dung toàn diện các lĩnh vực xây dựng và phát triển đất nước theo mục tiêu phát triển bền vững, không chỉ là kinh tế - xã hội - môi

trường mà còn phải chú trọng phát triển văn hóa, con người và bảo đảm sự ổn định, củng cố vững chắc chế độ chính trị với Nhà nước pháp quyền XHCN, nền dân chủ XHCN, vai trò lãnh đạo, cầm quyền của Đảng. Trong đó, nhấn mạnh tầm quan trọng đặc biệt của việc xây dựng Đảng trong sạch vững mạnh, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, có tiềm lực mạnh về quốc phòng, an ninh quốc gia để xây dựng CNXH gắn liền bảo vệ Tổ quốc XHCN.

Tám phương hướng nêu trên đã bao quát những điểm căn bản, chủ yếu trong đường lối, chính sách đối nội và đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta, thể hiện sự nhất quán của Đảng với các quan điểm đổi mới và phát triển.

Đảng ta đặt ở hàng đầu biện pháp *đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên môi trường*. Nhận thức về vị trí, vai trò của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước một cách toàn diện hơn: công nghiệp hóa gắn hiện đại hóa; gắn công nghiệp hóa, hiện đại hóa với phát triển kinh tế tri thức, tức là phù hợp xu thế phát triển của nhân loại; gắn công nghiệp hóa,

hiện đại hóa với quản lý, sử dụng có hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường là phù hợp thực tế Việt Nam và kinh nghiệm của các nước đi trước đã thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa; gắn công nghiệp hóa, hiện đại hóa nói chung với công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn là phù hợp với thực tế Việt Nam. Đây là vấn đề cấp thiết nhất hiện nay trong giải quyết nhiệm vụ xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của CNXH. Đó là đòi hỏi tất yếu, do nước ta quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, điểm xuất phát rất lạc hậu. Không đẩy mạnh công nghiệp hóa không thể thực hiện bước chuyển đưa nước ta từ một nước nông nghiệp lạc hậu thành một nước công nghiệp, không thể có nền kinh tế phát triển cao với năng suất lao động cao dựa trên khoa học - công nghệ, không thể có lực lượng sản xuất hiện đại. Cái mới trong sự phát triển nhận thức lý luận của Đảng ta về biện pháp xây CNXH là đẩy mạnh công nghiệp hóa là để đạt tới hiện đại hóa. Muốn vậy phải chủ động chuẩn bị các điều kiện để phát triển kinh tế tri thức, đặc biệt chú trọng bảo vệ tài nguyên, môi

trường, vừa tiết kiệm và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên vừa bảo vệ được môi trường, phòng tránh thảm họa môi trường và biến đổi khí hậu, nước biển dâng - một vấn đề toàn cầu mà Việt Nam không thể xem thường.

Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đã vạch rõ, cơ sở vật chất kỹ thuật của CNXH là nền sản xuất công nghiệp hiện đại với trình độ xã hội hóa cao. Đối với những nước thực hiện quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa như Việt Nam, để có một nền tảng cơ sở vật chất kỹ thuật như vậy, tất yếu phải thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa đất nước. Đó là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động kinh tế và quản lý kinh tế - xã hội từ sử dụng sức lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động cùng với công nghệ, phương tiện, phương pháp tiên tiến, hiện đại nhằm tạo ra năng suất lao động xã hội cao. Do vậy, trong thời kỳ đổi mới, Đảng ta coi “đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước...” là nhiệm vụ hàng đầu trong việc thực hiện các biện pháp then chốt xây dựng CNXH ở Việt Nam.

Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN được nhận thức là một trong những thành tựu quan trọng trong các biện pháp xây dựng CNXH trong thời kỳ đổi mới. Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng khẳng định, “đưa ra quan niệm này là một đột phá lý luận rất cơ bản và sáng tạo của Đảng ta, là thành quả lý luận quan trọng của 35 năm thực hiện đường lối đổi mới, xuất phát từ thực tiễn Việt Nam và tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của thế giới”¹⁰. *Phát triển kinh tế thị trường* ở Việt Nam được coi như công cụ, phương tiện xây dựng CNXH. *Mục đích của nền kinh tế thị trường* định hướng XHCN là phát triển nhanh lực lượng sản xuất, phát triển kinh tế để xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội, nâng cao đời sống của nhân dân. *Định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường* ở nước ta thể hiện rõ ở việc có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền XHCN bằng pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; thực hiện phân phối theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp

vốn cùng các nguồn lực khác vào sản xuất kinh doanh và thông qua an sinh xã hội, phúc lợi xã hội. Đảng ta xác định, đây chính là mô hình kinh tế tổng quát của Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên CNXH.

Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trở thành *nền tảng tinh thần của xã hội* được xác định là một trong 4 trụ cột phát triển đất nước. Biện pháp này là kết quả của sự tổng kết thực tiễn và tiếp thu, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh cũng như những thành tựu văn hóa của thế giới. Đảng ta nhận thức văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực phát triển đất nước, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Phát triển văn hóa tức là phát triển sức mạnh nội sinh, tạo động lực tinh thần để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; phát triển văn hóa đồng bộ, hài hòa với tăng trưởng kinh tế và tiến bộ, công bằng xã hội được Đảng ta xác định là một định hướng căn bản của quá trình xây dựng CNXH ở Việt Nam.

Phản ánh nhận thức sâu sắc *sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản* là nhân tố quan trọng hàng đầu, có ý nghĩa quyết

định mọi thắng lợi của công cuộc đổi mới và bảo đảm cho đất nước phát triển theo đúng định hướng XHCN. Do đó, phải “*đặc biệt chú trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, coi đây là nhiệm vụ then chốt, có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa*”¹¹. Đây là bài học lớn đã được tổng kết và được kiểm nghiệm trong thực tiễn. Thành công hay thất bại của cách mạng Việt Nam từ khi có Đảng đều “phụ thuộc trước hết vào sự đúng đắn của đường lối, bản lĩnh chính trị, năng lực và sức chiến đấu của Đảng”. Vì vậy, xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu và bản lĩnh cầm quyền của Đảng là luôn được coi là nhiệm vụ then chốt.

Việc xác định tám phương hướng xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH được coi là *bước tiến quan trọng trong nhận thức lý luận của Đảng*¹² và “thực hiện tốt các phương hướng trong Cương lĩnh 2011 sẽ dẫn *định hướng* chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”¹³.

3. Nhận thức và giải quyết các mối quan hệ lớn trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội thời kỳ đổi mới

Trên cơ sở 8 mối quan hệ lớn¹⁴ được xác định tại Đại hội XI và tổng kết thực tiễn tổng kết 30 năm đổi mới, trong nhiệm kỳ Đại hội XII, Đảng đã bổ sung thêm một mối quan hệ lớn cần giải quyết trong quá trình xây dựng CNXH trong thời kỳ quá độ, đó là quan hệ *giữa Nhà nước, thị trường và xã hội*¹⁵; đồng thời đã điều chỉnh mối quan hệ *giữa kinh tế thị trường và định hướng XHCN* thành quan hệ *giữa tuân theo quy luật của thị trường với bảo đảm định hướng XHCN*. Đến Đại hội XIII, do yêu cầu của thực tiễn, trên cơ sở 9 mối quan hệ đang được tập trung giải quyết, Đảng bổ sung thêm mối quan hệ lớn: *Giữa thực hành dân chủ, tăng cường pháp chế và bảo đảm kỷ cương xã hội*. Đến nay, tổng thể chúng ta phải nắm vững và giải quyết 10 mối quan hệ lớn trong quá trình xây dựng CNXH¹⁶.

Việc nhận thức và giải quyết các mối quan hệ lớn đã được Đảng thực hiện trong mối liên hệ hữu cơ với nhận thức và từng bước hoàn thiện 8 đặc trưng bản chất của CNXH Việt Nam cũng như 8 phương hướng lớn xây dựng CNXH ở nước ta. Giải quyết đúng đắn các mối quan hệ đã

tạo ra bước chuyển biến trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, từ kinh tế, chính trị đến văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng, đối ngoại. Chúng ta đã giữ vững được vai trò lãnh đạo của Đảng, tạo ra sự ổn định về chính trị trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước. Người dân tin tưởng vào đường lối đổi mới, vào sự lãnh đạo của Đảng, đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố, tăng cường.

Thành tựu chủ yếu trong các mối quan hệ lớn cần nắm vững và xử lý thể hiện trước hết ở mối quan hệ lớn thứ nhất: *Giữa đổi mới, ổn định và phát triển*. Đây là mối quan hệ có vị trí tổng quát, bao trùm các mối quan hệ còn lại, đồng thời trong mối quan hệ này, ổn định là tiền đề và điều kiện, đổi mới là động lực, là phương thức, con đường tất yếu phải đi và phát triển là mục đích. Do vậy, giữ vững được ổn định, nhất là ổn định chính trị sẽ thực hiện được con đường đổi mới và mục đích phát triển. Để giữ vững ổn định (chính trị), nhất định phải nắm vững và giải quyết 9 mối quan hệ tiếp theo.

Các mối quan hệ còn lại phản ánh toàn diện đổi mới trên các lĩnh vực, các khía cạnh của đời sống xã hội, trong đó tính đồng bộ giữa đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị đã được Đảng ta nhận thức ngày càng đầy đủ, nhất là đổi mới chính trị, hệ thống chính trị phải đóng vai trò bảo đảm chính trị cho đổi mới kinh tế, đồng thời thúc đẩy kinh tế phát triển, không cản trở sự phát triển của kinh tế.

Nội hàm của đổi mới kinh tế, đổi mới chính trị và mối quan hệ biện chứng giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị ngày càng được nhận thức đầy đủ, sâu sắc hơn. Không còn tư duy tuyệt đối hóa, xơ cứng, máy móc và siêu hình, nhấn mạnh một chiều về vai trò của đổi mới kinh tế hoặc chính trị; tư duy, nhận thức về mối quan hệ biện chứng giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị ngày càng đầy đủ hơn, phù hợp với thực tiễn sống động của đời sống kinh tế và đời sống xã hội, mang “hơi thở” của cuộc sống.

Nhận rõ thực chất mối quan hệ giữa tuân theo các quy luật của kinh tế thị trường và bảo đảm định hướng XHCN là mối quan hệ giữa chủ quan

và khách quan. Các quy luật của kinh tế thị trường (quy luật giá trị, quy luật cung cầu, quy luật cạnh tranh...) là khách quan, định hướng XHCN là chủ quan, nhưng không phải là chủ quan duy ý chí hay giáo điều máy móc. Định hướng XHCN là chủ quan nhưng phải luôn dựa trên cơ sở vận dụng các quy luật khách quan của kinh tế thị trường. Nói rộng ra, đó là mối quan hệ giữa hai bộ phận cốt lõi của mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam, và cũng chính là hai bộ phận cốt lõi của một hình thái kinh tế - xã hội ra đời ở giai đoạn đầu. Mục tiêu giữ vững định hướng XHCN trong phát triển kinh tế thị trường là thực hiện “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Nhận thức về mối quan hệ giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất XHCN có những bước tiến. (1) Về cơ chế quản lý kinh tế không ngừng được đổi mới, từ cơ chế quản lý tập trung, quan liêu, bao cấp đến cơ chế quản lý kinh tế gắn với yêu cầu phát triển lực lượng sản xuất, công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất

nước; vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước góp phần giải phóng và phát huy các tiềm năng trong xã hội. (2) Về chế độ phân phối có sự phát triển mới, xác định rõ vai trò của thị trường, nhà nước và nhân dân.

Mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội luôn được xác định rõ ràng, nhất quán và xuyên suốt. Điều này được thể hiện ở chỗ tầm quan trọng và nội dung của mối quan hệ này được phát triển hơn và được nhắc đi, nhắc lại nhiều lần trong Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011), trong các văn kiện của Đại hội XI, XII và một số nghị quyết Trung ương. Nguyên tắc nhất quán trong giải quyết mối quan hệ này là “không đánh đổi xã hội, môi trường để tăng trưởng kinh tế”. Quan điểm có tính nguyên tắc này của Việt Nam hoàn toàn phù hợp với quan điểm “phát triển bền vững”, “phát triển bao trùm” hiện đang được thảo luận nhiều trên thế giới cũng như tính xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường mà Việt Nam đang xây dựng và phát triển.

Đảng ta đặc biệt quan tâm bổ sung, phát triển tư duy lý luận, về mối quan hệ giữa xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc XHCN. (1) Nhận thức rõ tầm quan trọng của “Dựng nước đi đôi với giữ nước”. Bảo vệ là điều kiện để xây dựng; xây dựng tạo sức mạnh để bảo vệ, trong bảo vệ có xây dựng, trong xây dựng có bảo vệ, phòng ngừa nguy cơ chệch hướng XHCN. (2) Kết hợp chặt chẽ kinh tế, văn hóa, xã hội với quốc phòng, an ninh và quốc phòng, an ninh với kinh tế, văn hóa, xã hội trong từng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, chú trọng vùng sâu, vùng xa, biên giới, biển, đảo. (3) Kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng, an ninh và đối ngoại; tăng cường hợp tác quốc tế về quốc phòng, an ninh. (4) Xây dựng “thế trận lòng dân”, tạo nền tảng vững chắc xây dựng nền quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân. (5) Có kế sách ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa; chủ động phòng ngừa, phát hiện sớm và triệt tiêu các nhân tố bất lợi, nhất là các nhân tố bên trong có thể gây ra đột biến.

Hơn 35 năm đổi mới, Đảng ta đã xác định rõ hệ thống các quan điểm lý luận về CNXH và xây dựng CNXH ở Việt Nam với tám đặc trưng của xã hội XHCN, tám phương hướng xây dựng CNXH và mười mối quan hệ lớn của đổi mới và phát triển. Đó là thành tựu nổi bật của đổi mới tư duy lý luận và phát triển lý luận của Đảng ta. Tuy nhiên, như ý kiến của đồng chí Tổng Bí thư để trả lời đầy đủ, thuyết phục cho câu hỏi: *chủ nghĩa xã hội là gì? và đi lên chủ nghĩa xã hội bằng cách nào?* là điều không hề dễ dàng. Từ thực tiễn 35 năm đổi mới, từ tổng kết thực tiễn và lý luận, đi lên chủ nghĩa xã hội đối với Việt Nam còn nhiều khó khăn, thách thức. “*Đó là một sự nghiệp sáng tạo vĩ đại, đầy thử thách, khó khăn, một sự nghiệp tự giác, liên tục, hướng đích lâu dài, không thể nóng vội*”¹⁷, phải “...tiếp tục phải suy nghĩ, tìm tòi, lựa chọn để từng bước hoàn thiện đường lối, quan điểm và tổ chức thực hiện sao cho vừa đúng quy luật chung, vừa phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam”¹⁸. Sự nghiệp này rất cần sự quyết tâm, đồng lòng của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân trên cơ sở kiên trì và vận dụng

sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong quá trình lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước, hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội và phát huy sức mạnh của nhân dân. Trong đó, yếu tố quyết định thành công phụ thuộc trước hết vào sự đúng đắn của đường lối, bản lĩnh chính trị, năng lực lãnh

đạo và sức chiến đấu của Đảng. Đường lối của Đảng phải phù hợp lòng dân, phát huy được sức mạnh của nhân dân, được nhân dân ủng hộ và tham gia tích cực; phải xuất phát từ thực tiễn của đất nước và dân tộc mình, đồng thời phải tham khảo kinh nghiệm từ thực tiễn của thế giới và thời đại □

^{1, 3, 6, 9, 14} ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.69, 70, 70, 72, 72.

² Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.563.

^{4, 16} ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.I, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2021, tr.104, 119.

^{5, 8} ĐCSVN: *Văn kiện Đảng toàn tập*, t.51, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.138, 139-140.

^{7, 10, 11, 17, 18} Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng: *Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2022, tr.9, 22, 28; 25; 29; 36; 23.

¹² Hội đồng Lý luận Trung ương: *30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2020, tr.49.

¹³ Xem: ĐCSVN: *Báo cáo tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986-2016)*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2015, tr.212.

¹⁵ Xem: ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016, tr.80.

PHÁT HUY SỨC MẠNH CỦA VĂN HÓA VIỆT NAM TRONG SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC

● Đại tá, TS PHẠM VĂN XÂY

Trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội

1. Nhận thức rõ vai trò quan trọng của văn hóa Việt Nam trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Văn hóa là một nguồn lực to lớn, có vai trò đặc biệt quan trọng đối với sự tồn tại, phát triển của mỗi con người, tổ chức, rộng hơn là của quốc gia - dân tộc. Vì vậy, Đảng và Nhà nước ta đã rất coi trọng vai trò của văn hóa trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Thực tiễn phát triển đất nước trong thời kỳ đổi mới đã khẳng định vị thế quan trọng của văn hóa trong chiến lược phát triển quốc gia. Văn hóa không chỉ giới hạn tầm vóc trong chiều sâu những phẩm giá tinh thần mà nó còn là nguồn lực trực tiếp để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nhận thức được vai

trò, vị trí quan trọng của văn hóa, quan điểm nhất quán của Đảng ta từ rất sớm đã luôn coi văn hóa là một trong những trụ cột quan trọng cần có sự quan tâm đầy đủ và đồng bộ để tạo nên sức mạnh tổng hợp của quốc gia trong quá trình phát triển. Ngay từ năm 1943, bản Đề cương về văn hóa Việt Nam đã khẳng định vai trò, vị trí của văn hóa là một trong ba mặt trận: “chính trị - kinh tế - văn hóa”. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng nhấn mạnh, trong công cuộc kiến thiết nước nhà có bốn vấn đề cần được coi trọng ngang nhau, đó là: chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa. Người khẳng định, “Chính trị nghĩ rộng cũng là văn hóa và văn hóa nghĩ sâu cũng là chính trị... Văn hóa cũng như

mọi hoạt động khác, không thể đứng ngoài mà phải ở trong kinh tế và chính trị”. Quan điểm này được Đảng ta liên tục kế thừa, bổ sung, phát triển phù hợp với từng giai đoạn. Đảng ta khẳng định: “Văn hóa là hồn cốt của dân tộc, là nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng tiếp tục khẳng định và làm rõ thêm: “Khơi dậy tinh thần và ý chí quyết tâm phát triển đất nước phồn

vinh, hạnh phúc; dân tộc cường thịnh, trường tồn; phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”. Điều này cho thấy, việc phát huy sức mạnh văn hóa, con người Việt Nam được Đảng ta xác định vừa là nhiệm vụ trọng tâm, vừa

là khâu đột phá có ý nghĩa chiến lược để đẩy mạnh quá trình phát triển nhanh và bền vững đất nước trong thời gian tới. Trong xu thế phát triển hiện nay, ngày càng có nhiều quốc gia coi trọng chiến lược phát huy sức mạnh của văn hóa. Với lợi thế của

Đảng ta khẳng định: “Văn hóa là hồn cốt của dân tộc, là nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

một nền văn hóa có nhiều nét độc đáo, mang lại nhiều ấn tượng tốt đẹp đối với bạn bè quốc tế, việc phát huy sức mạnh của văn hóa Việt Nam là một chiến lược đúng đắn để thực hiện các mục tiêu xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc trong tình hình mới. Vì vậy, xây dựng, phát triển văn hóa luôn được Đảng ta xác

định là nền tảng tinh thần của xã hội, là một trong những động lực để phát triển kinh tế - xã hội.

Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay, phát huy sức mạnh của nền văn hóa dân tộc đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, góp phần tạo ra sức mạnh nội sinh, động



Văn hóa Công chiêng Tây Nguyên của Việt Nam đã được UNESCO chính thức công nhận là kiệt tác văn hóa phi vật thể và truyền khẩu của nhân loại _ Ảnh: TL

lực thúc đẩy đất nước phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Tuy vậy, nhìn nhận một cách nghiêm túc, phát huy sức mạnh của văn hóa vẫn chưa mang lại hiệu quả như kỳ vọng, chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế của văn hóa dân tộc. Điều này đã được Đảng xác định: “Văn hóa chưa được quan tâm tương xứng với kinh tế và chính trị, chưa thật sự trở thành nguồn lực, động lực nội sinh của sự phát triển bền vững đất nước. Vai trò của văn hóa trong xây dựng con người chưa được xác định đúng tầm”. Thực tế cũng cho thấy,

kinh tế thị trường, hội nhập quốc tế và sự phát triển của công nghệ, internet, truyền thông đã đem đến nhiều giá trị tiến bộ, nhưng đồng thời cũng khuếch tán những phản giá trị, phi tiến bộ, tác động xấu đến đời sống văn hóa của nhân dân. Một số giá trị tốt đẹp bị xâm hại, khuất lấp; có những thói hư tật xấu còn trì nín, sinh sôi trong điều kiện mới, có những sức ì, thói quen lạc hậu còn tồn tại, có những cái mới nảy sinh, du nhập nhưng lai căng, phản tiến bộ, làm xâm hại, kìm hãm, cản trở việc xây dựng, hình thành các nhân tố tích

cực. Sự trộn lẫn này dẫn đến tình trạng dòng chảy chính để định hình văn hóa bị can thiệp bởi những xu hướng ngắn hạn, hời hợt, thoáng qua, làm phai nhạt bản sắc, lỏng lẻo kết nối gia đình, đứt gãy thế hệ, nhạt kết nối thực, bùng nổ kết nối ảo... Đời sống văn hóa tinh thần ở nhiều nơi còn nghèo nàn, đơn điệu; chênh lệch về hưởng thụ văn hóa giữa các vùng, miền còn lớn. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý văn hóa còn nhiều lúng túng, việc thể chế hóa các quan điểm chủ trương của Đảng về văn hóa còn chậm. Cơ chế, chính sách về kinh tế trong văn hóa, văn hóa trong kinh tế, về huy động, quản lý các nguồn lực văn hóa chưa rõ ràng, cụ thể. Hệ thống thiết chế văn hóa và cơ sở vật chất, kỹ thuật cho hoạt động văn hóa ở cơ sở còn thiếu và yếu, có nơi xuống cấp, không đồng bộ, hiệu quả sử dụng thấp. Chất lượng đội ngũ cán bộ văn hóa chưa đáp ứng yêu cầu phát triển văn hóa thời kỳ mới. Công tác giới thiệu, quảng bá văn hóa Việt Nam ra thế giới chưa mạnh, tình trạng tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại còn dễ dãi, thiếu chọn lọc. Vấn đề nhận thức và ứng xử trong lãnh

đạo, quản lý vẫn còn có tư tưởng coi trọng kinh tế xem nhẹ văn hóa, dẫn đến sự gán bó giữa văn hóa và kinh tế chưa rõ nét, văn hóa vẫn “đứng ngoài” mà chưa thật sự được quan tâm ngang hàng với kinh tế, chính trị, chưa thực sự thấm sâu vào mọi mặt của đời sống xã hội.

Nguyên nhân của những bất cập, hạn chế trên có nhiều nguyên nhân, nhưng chủ yếu là do chưa có sự quan tâm đầy đủ đến lĩnh vực này; công tác quản lý nhà nước về văn hóa còn chậm đổi mới; đầu tư cho văn hóa chưa tương xứng và dàn trải; chưa quan tâm đúng mức đến công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý văn hóa các cấp... Điều quan trọng hiện nay là các cấp, các ngành từ trung ương đến địa phương phải nhận thức sâu sắc được những mặt đạt được và những tồn tại, yếu kém trong phát triển văn hóa để có thái độ ứng xử hợp lý, khoa học, phát huy tối đa nguồn lực của văn hóa để góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Trong bối cảnh tình hình thế giới, khu vực có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường như hiện nay, bên cạnh những vận hội và

thời cơ mới, đất nước ta đang phải đối mặt với những nguy cơ, những thách thức mới. Nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày càng phải toàn diện hơn. Văn kiện Đại hội XIII của Đảng đã khẳng định cần tiếp tục: “Khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; giữ gìn và phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, hội nhập quốc tế”. Bên cạnh đó, cần phải xác định đúng và phân tích một cách sâu sắc những vấn đề có tính quy luật, quy định quá trình phát huy sức mạnh văn hóa Việt Nam hiện nay cần được đánh giá một cách khách quan, khoa học thực trạng, dự báo và nhận diện đúng những nhân tố tác động, nhất là những nhân tố mới xuất hiện để đề xuất các giải pháp thích hợp nhằm phát huy sức mạnh của văn hóa trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

2. Phát huy sức mạnh của văn hóa dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc

Phát huy sức mạnh của nền văn hóa dân tộc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân. Theo đó, cần thực hiện tốt một số giải pháp sau:

Một là, quán triệt và thực hiện tốt đường lối của Đảng về xây dựng, phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới. Thực hiện giải pháp này cần tiếp tục nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, của toàn xã hội về vị trí, vai trò của văn hóa đối với sự phát triển con người, xã hội và sự phát triển của quốc gia. Phát triển văn hóa xét cho đến cùng chính là vì con người, vì sự ấm no, hạnh phúc của con người. Con người vừa là chủ thể sáng tạo ra văn hóa, đồng thời cũng là mục tiêu của phát triển văn hóa, vì thế đầu tư cho văn hóa cũng chính là đầu tư cho con người. Con người được xác định là nguồn lực quan trọng nhất, “con người là trung tâm, chủ thể, là nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của sự phát triển”. Do đó, cần thiết phải xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện, gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa giá trị truyền thống và giá trị hiện đại. Để có thể dẫn dắt, nêu gương, lan tỏa tích cực, hình thành niềm tin, cải tạo xã hội đi đầu phải là đội ngũ cán bộ, lãnh đạo, quản lý, công chức, viên chức,

ứng xử văn hóa công vụ phù hợp với chức trách, nhiệm vụ; tiếp đến là đội ngũ doanh nhân, doanh nghiệp tham gia phát triển kinh tế với động cơ và hành vi lành mạnh. Hơn nữa, phát huy sức mạnh của văn hóa trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay nhằm “Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học... là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc”. Do đó, phát huy sức mạnh văn hóa là phát triển cùng với kinh tế, củng cố quốc phòng, an ninh, củng cố vững chắc niềm tin của nhân dân vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của Đảng. Trong điều kiện thực tế ở nước ta hiện nay, phát huy sức mạnh văn hóa không của riêng ai, mà của mọi cấp, mọi ngành, trong đó giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc là nhiệm vụ chính trị, là trách nhiệm chung của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của cả hệ thống chính trị và mọi người dân. Mục đích cao nhất là phát huy sức mạnh của văn hóa để phục vụ đất nước, đưa văn

hóa trở thành ngành kinh tế mũi nhọn và tạo dựng sự phát triển bền vững của đất nước, chống sự “xâm lăng” văn hóa từ bên ngoài, bảo vệ lợi ích quốc gia - dân tộc và đường lối cách mạng của Đảng trong điều kiện hội nhập quốc tế ngày càng sâu, rộng.

Hai là, tăng cường giáo dục, bồi đắp giá trị văn hóa, nâng cao niềm tự hào, tự tôn dân tộc và ý thức trách nhiệm công dân đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đây là vấn đề có ý nghĩa thiết thực, tác động trực tiếp đến nhận thức, tình cảm của mỗi cá nhân, cộng đồng đối với Tổ quốc. Các giá trị văn hóa muốn thấm sâu vào các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong mỗi gia đình, từng tập thể, trường học, các hoạt động kinh tế xã hội và trở thành lực lượng vật chất tham gia trực tiếp vào xây dựng và bảo vệ tổ quốc, đòi hỏi công tác tuyên truyền, giáo dục cũng phải được đổi mới. Trong quá trình giáo dục, phải bám sát và giữ vững định hướng chính trị của Đảng, phối hợp đồng bộ của các ngành, các cấp và các tầng lớp nhân dân; trong đó, cơ quan chủ trì công tác tư tưởng, văn hóa của Đảng ở các cấp là nòng cốt; các lĩnh

vực báo chí, truyền thông, văn học, nghệ thuật là lực lượng tiên phong; mỗi cá nhân, gia đình, nhà trường và tổ chức trong xã hội là nền tảng, bảo đảm những giá trị văn hóa được thấm thấu sâu vào đời sống của mọi tầng lớp nhân dân, chuyển hóa thành hành động thực tiễn, chung sức, đồng lòng: “Kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bảo vệ vững chắc biên giới và chủ quyền biển, đảo, vùng trời của Tổ quốc” trong mọi tình huống. Bên cạnh đó, cần giáo dục chủ nghĩa yêu nước để mọi người nhận rõ trách nhiệm, nghĩa vụ của mình trong việc kế thừa và phát triển văn hóa truyền thống của dân tộc; xây dựng chủ nghĩa yêu nước trên lập trường của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; kết hợp hài hòa giữa giáo dục lòng yêu nước với giáo dục ý thức cộng đồng, tinh thần đoàn kết toàn dân. Nội dung giáo dục phải toàn diện, phong phú, nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của nhân dân trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; chủ động phòng ngừa, đánh bại diễn biến hòa bình và chiến tranh xâm lược của kẻ thù. Thông qua việc

tuyên truyền, giáo dục tạo ra bước phát triển mới về phẩm chất, nhân cách của mỗi người, phát huy vai trò động lực của văn hóa trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc hiện nay.

Ba là, tăng cường củng cố, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, kế thừa, phát triển, sáng tạo ra các giá trị văn hóa mới. Quần chúng nhân dân có vai trò to lớn trong sáng tạo ra các giá trị văn hóa. Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Trong bầu trời không có gì quý bằng nhân dân, trong thế giới không có gì mạnh bằng lực lượng đoàn kết của nhân dân”. Trong điều kiện hiện nay để giữ gìn và phát huy sức mạnh của văn hóa dân tộc cần phải quán triệt quan điểm “lấy dân là gốc”. Mở rộng dân chủ, nâng cao sức mạnh đại đoàn kết toàn dân; phát huy ưu thế về nhân tố chính trị, tinh thần, chủ động trong công tác tuyên truyền, giáo dục, cổ động, xây dựng “thế trận lòng dân” vững chắc trong thế trận chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc. Đảng ta khẳng định: “Xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội”. Đặc biệt trong điều kiện hiện nay,

tình hình quốc tế và trong nước có nhiều diễn biến phức tạp, nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đặt ra nhiều yêu cầu mới. Để tiếp tục bảo tồn và phát huy sức mạnh của văn hóa dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc, đòi hỏi phải thấy được tính phức tạp, khó khăn của quá trình phát triển văn hóa, xây dựng và bảo vệ tổ quốc; nhận rõ được âm mưu thủ đoạn của chủ nghĩa đế quốc lợi dụng phá hoại nền văn hóa dân tộc, tấn công ta trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó tư tưởng, văn hóa là trọng điểm đểreo rắc quan điểm chính trị, tư tưởng, lối sống tư sản, chủ nghĩa cá nhân cực đoan, truyền bá văn hóa đồi trụy, kích động bạo lực, tệ nạn xã hội, ma túy, mại dâm... Vì vậy, phát huy sức mạnh văn hóa trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay phải phát triển và bảo vệ các giá trị văn hóa tốt đẹp, chống lại âm mưu xóa bỏ bản sắc văn hóa dân tộc của các thế lực thù địch, khơi dậy sức mạnh đấu tranh tiềm tàng trong nhân dân.

Bốn là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước để giữ gìn và phát huy sức mạnh văn

hóa trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước giữ vai trò quyết định trong phát triển văn hóa dân tộc. Nội dung của các đường lối là cơ sở để xác định tính chất, nội dung và phương thức phát huy sức mạnh văn hóa trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay. Thực tế cho thấy, sức mạnh của văn hóa chỉ có thể phát huy được khi đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước thì mới có điều kiện bổ sung, tiếp biến và sáng tạo ra nhiều giá trị, được nâng lên một trình độ mới về chất đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Do đó, phải “phát triển toàn diện, đồng bộ các lĩnh vực văn hóa, môi trường văn hóa, đời sống văn hóa phong phú, đa dạng, văn minh, lành mạnh... để văn hóa thực sự là nền tảng tinh thần, nguồn lực nội sinh và động lực đột phá cho phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập quốc tế”. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển văn hóa với phát triển kinh tế - xã hội, củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh; thường xuyên giáo dục, tuyên truyền để nâng cao nhận thức giác ngộ cách

mạng của toàn dân, các tổ chức, ban ngành đoàn thể; khơi dậy sức mạnh đoàn kết toàn dân, tạo thành phong trào thi đua tích cực, phê phán, đấu tranh, đẩy lùi cái xấu, cái ác, cái lạc hậu, chống các quan điểm, hành vi sai trái gây hại đến văn hóa, lối sống của nhân dân, chủ động giữ gìn, bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa trong điều kiện hiện nay. Phát huy các giá trị của nguồn tài nguyên văn hóa dân tộc để phát triển đất nước bền vững không chỉ là sự quyết tâm và hành động của cả hệ thống chính trị, mà còn là sự nhận thức và chung tay của toàn dân, đặc biệt là thế hệ trẻ, những chủ nhân tương lai của đất nước.

Năm là, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh. Vai trò, sức mạnh của văn hóa được biểu hiện và phát huy đầy đủ trong môi trường văn hóa chung của cả nước. Bởi thế, lãnh đạo các cấp, các ngành, các tổ chức, cơ quan, đơn vị và các địa phương cần cụ thể hóa đường lối văn hóa của Đảng, tiến hành đồng bộ các giải pháp phù hợp với thực tiễn để hướng dẫn, động viên mọi tầng lớp nhân dân tích cực tham gia có hiệu quả vào xây dựng đời sống văn hóa, môi

trường văn hóa lành mạnh, là điều kiện để phát huy sức mạnh của văn hóa trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay. Thực chất của xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh là tập trung hoàn thành tốt các nội dung, tiêu chí xây dựng các tổ chức, cơ quan, ban ngành, đơn vị và các địa phương vững mạnh toàn diện, làm cho giá trị văn hóa luôn hiện hữu, dung dưỡng, nâng cao ý thức, trách nhiệm chính trị của cá nhân và cộng đồng đối với Đảng, Tổ quốc và nhân dân; thúc đẩy các cá nhân ra sức học tập nâng cao bản lĩnh chính trị, năng lực công tác, phát huy mọi tiềm năng, sở trường, cống hiến sức lực, trí tuệ và kế thừa, phát triển, sáng tạo những giá trị văn hóa mới, phù hợp với quy luật vận động phát triển thực tiễn của xã hội. Bên cạnh đó, cần xây dựng và thực hiện các chuẩn mực văn hóa trong lãnh đạo, quản lý. Chú trọng xây dựng môi trường văn hóa công sở lành mạnh, dân chủ, đoàn kết, nhân văn; xây dựng văn hóa doanh nghiệp, phát triển có trọng tâm, trọng điểm ngành công nghiệp văn hóa và dịch vụ văn hóa, gắn phát triển văn hóa

với phát triển du lịch thành một ngành kinh tế mũi nhọn, đồng thời bảo vệ, giữ gìn tài nguyên văn hóa cho các thế hệ mai sau.

Sức mạnh của văn hóa Việt Nam là một thành tố cốt lõi cấu thành nên sức mạnh tổng hợp của quốc gia, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong quan hệ quốc tế và trong thời đại toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế hiện nay. Nền văn hóa Việt Nam được chăm lo xây dựng và phát triển trên tinh thần bồi tụ, tích hợp, phát triển cùng chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc; được kế thừa, phát huy giá trị tích cực, tốt đẹp của truyền thống

dân tộc và tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại. Trước thời cơ, thuận lợi và thách thức do bối cảnh toàn cầu hóa và nền kinh tế thị trường mang lại, bản sắc, cốt cách, bản lĩnh của chiều sâu văn hóa dân tộc và con người Việt Nam luôn tiếp biến và hoàn thiện, luôn làm giàu tri thức, năng động, sáng tạo, đổi mới đã thực sự trở thành nền tảng, nguồn sức mạnh nội sinh quan trọng để xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới, đủ sức “sánh vai với các cường quốc năm châu” như lời Chủ tịch Hồ Chí Minh mong muốn □

Tài liệu tham khảo

1. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2016.
2. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001.
3. ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.I, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.
4. Kết luận số 76-KL/TW của Bộ Chính trị về *Tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 33-NQ/TW về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam*.
5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 2009.
6. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.5, t.8, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1995.

PHIÊN HỌP THỨ NHẤT

BAN CHỈ ĐẠO TỔNG KẾT MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN 40 NĂM ĐỔI MỚI

Chiều 9/6, Ban Chỉ đạo Tổng kết một số vấn đề lý luận và thực tiễn về công cuộc Đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong 40 năm qua ở Việt Nam họp Phiên thứ nhất dưới sự chủ trì của Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch nước Võ Văn Thưởng. Theo Quyết định số 103-QĐ/TW, ngày 7/4/2023 của Bộ Chính trị, Ban Chỉ đạo này được thành lập với 21 thành viên do Chủ tịch nước làm Trưởng ban.

Cùng dự Phiên họp có các Ủy viên Bộ Chính trị: Trương Thị Mai, Thường trực Ban Bí thư, Trưởng ban Tổ chức Trung ương, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Chỉ đạo; Nguyễn Xuân Thắng, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Phó Trưởng ban Chỉ đạo; Trần Cẩm Tú, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương; Phan Đình Trạc, Bí thư Trung ương Đảng,

Trưởng ban Nội chính Trung ương; Trần Tuấn Anh, Trưởng ban Kinh tế Trung ương; Đại tướng Lương Cường, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam; Đinh Tiến Dũng, Bí thư Thành ủy Hà Nội; Nguyễn Văn Nện, Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh và các thành viên Ban Chỉ đạo.

Tại Phiên họp thứ nhất, với tinh thần trách nhiệm cao, Ban Chỉ đạo đã thảo luận, cho ý kiến và thống nhất về các nội dung: Kế hoạch Tổng kết một số vấn đề lý luận thực tiễn lớn phải tổng kết; đề cương báo cáo tổng kết; phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên và một số yêu cầu có tính nguyên tắc về cách thức, phương pháp hoạt động của Ban Chỉ đạo.

Phát biểu tại Phiên họp, Chủ tịch nước Võ Văn Thưởng nhấn mạnh, việc tổng kết một số vấn đề lý luận thực tiễn 40 năm Đổi mới đất nước là nhiệm vụ quan trọng nhằm nhận thức

sâu sắc hơn một số vấn đề lý luận và thực tiễn trong quá trình Đổi mới đất nước mà Đảng ta đã tổng kết qua nhiều lần Đại hội, nhất là những cuộc tổng kết để bổ sung phát triển Cương lĩnh năm 2011, sửa đổi Hiến pháp năm 2013, các nghị quyết chuyên đề của Ban Chấp hành Trung ương và các đề tài cấp Nhà nước, góp phần tiếp tục làm sáng tỏ, hoàn thiện đường lối Đổi mới của Đảng, lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội và chuẩn bị cho việc xây dựng các văn kiện Đại hội lần thứ XIV của Đảng.

Đặc biệt, Chủ tịch nước nêu rõ, việc tổng kết phải trên cơ sở quán triệt đầy đủ, nghiêm túc Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung phát triển năm 2011); Văn kiện Đại hội XIII của Đảng; tác phẩm “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội

và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam” của đồng chí Tổng Bí thư và chỉ đạo của Tổng Bí thư.

Theo đó, tại Đại hội XIII, Tổng Bí thư đã chỉ đạo: “Đẩy mạnh tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, hoàn thiện hệ thống lý luận về đường lối Đổi mới cũng như lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Gắn kết tổng kết thực tiễn với nghiên cứu lý luận, định hướng chính sách”.

Phát biểu trong phiên tổng kết công tác của Hội đồng Lý luận Trung ương, Tổng Bí thư có nêu: Không thể để kéo dài tình trạng còn lạc hậu của lý luận so với sự vận động và đòi hỏi của thực tiễn. Lý luận phải vươn lên dẫn đường, “phải có tầm nhìn vượt trước”; phải khai thông những điểm nghẽn về tư duy, nhận thức, quan điểm phục vụ cho việc hoàn thiện thể chế, xây dựng đường lối, chủ trương, định hướng, chính sách phát triển; khơi dậy khát

Phát biểu tại Phiên họp, Chủ tịch nước Võ Văn Thưởng nhấn mạnh, việc tổng kết một số vấn đề lý luận thực tiễn 40 năm Đổi mới đất nước là nhiệm vụ quan trọng nhằm nhận thức sâu sắc hơn một số vấn đề lý luận và thực tiễn trong quá trình Đổi mới đất nước mà Đảng ta đã tổng kết qua nhiều lần Đại hội.

vọng và phát huy ý chí, quyết tâm vươn lên của cả dân tộc; phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ mà Đại hội lần thứ XIII của Đảng đã đề ra.

Cùng với đó, quá trình tổng kết còn phải đảm bảo nguyên tắc kế thừa và phát triển, kiên định và đổi mới, kết hợp nhuần nhuyễn giữa lý luận và thực tiễn, giữa tổng kết kinh nghiệm Việt Nam và tham khảo kinh nghiệm quốc tế, bảo đảm biện chứng, khoa học, khách quan, dân chủ, phát huy trí tuệ của các cơ quan, tổ chức, các nhà nghiên cứu.

“Nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, thẳng thắn chỉ ra những hạn chế, yếu kém về tư duy, nhận thức nếu có, cũng như trong quá trình tổ chức thực hiện; không được rơi vào chủ nghĩa kinh nghiệm, giáo điều, cũng không hồ hởi, dễ dãi với những sáng kiến, đề xuất chưa được kiểm nghiệm, chứng minh trong quá trình thực tiễn phát triển của thế giới”, Chủ tịch nước nhấn mạnh.

Về phạm vi tổng kết, Trường ban Chỉ đạo yêu cầu cần tập trung đi sâu vào các vấn đề lớn, coi trọng cập nhật những vấn đề mới, đặc biệt là tình

hình, xu hướng phát triển của thế giới, thuận lợi và thách thức, các yêu cầu quan trọng của giai đoạn phát triển mới, nhất là sau đại dịch COVID-19 thế giới đánh giá có nhiều thay đổi lớn; chỉ rõ những phát triển mới về tư duy lý luận. Việc tham khảo kinh nghiệm quốc tế có chọn lọc, chú ý tại các quốc gia có cùng thể chế, quốc gia có điểm xuất phát và điều kiện phát triển tương đồng, quốc gia dẫn đầu về xu hướng phát triển trên các lĩnh vực khoa học - công nghệ, kinh tế.

Nhấn mạnh đây là nội dung rất quan trọng góp phần trực tiếp vào việc xây dựng Văn kiện Đại hội XIV của Đảng cũng như xác định tầm nhìn dài hạn phát triển đất nước, Chủ tịch nước đề nghị Hội đồng Lý luận Trung ương - Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo, nghiên cứu tiếp thu đầy đủ các ý kiến góp ý của các thành viên Ban Chỉ đạo để hoàn thiện, ban hành.

Các cơ quan phân công, chọn lựa những cán bộ có tâm huyết, năng lực, trách nhiệm với công việc để tham gia thực hiện và các cán bộ được phân công cần dành thời gian thỏa đáng để thực hiện nhiệm vụ được giao, đạt yêu cầu về chất lượng và tiến độ đề ra □